

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
1	Dương Tấn Hoàng Ân	18118001		7.30	9.00	8.00	8,00	6.10	7.70	x
2	Đinh Quốc Ân	16118010	16/12/1998	7.70	8.10	2.30	,00	0.80	3.80	
3	Võ NgọcThi Ân	18124002	27/04/2000	7.30	8.80	8.50	7,00	7.30	7.80	x
4	Lê Thành An	16154002	18/04/1998	6.50	6.00	5.00	6,00	5.60	5.80	x
5	Đoàn Nhật An	17118001	14/02/1999	6.20	6.00	6.80	5,00	9.00	6.60	x
6	Phạm Thành An	16111002	12/02/1998	7.70	6.40	5.40	2,80	8.30	6.10	
7	Phan Trường An	18116002		6.20	9.50	8.80	6,00	9.30	8.00	x
8	Tạ Thị Ngọc An	18120003	17/08/2000	9.20	9.50	9.50	7,50	7.10	8.60	x
9	Trần Quốc An	16154004	07/05/1998	6.70	8.10	5.60	6,90	8.00	7.10	x
10	Trương Quốc An	17137002	22/05/1999	7.50	7.80	5.50	5,50	7.40	6.70	x
11	Huỳnh Thị Tú Anh	18127004	14/07/2000	6.80	8.60	6.40	9,10	7.60	7.70	x
12	Lê Minh Anh	18122006		6.00	7.80	3.80	5,50	6.00	5.80	
13	Lê Quang Anh	17128007	14/01/1999	6.50	5.40	5.00	5,90	6.40	5.80	x
14	Lê Thị Phương Anh	18126004	05/02/2000	8.00	8.60	7.90	5,60	8.30	7.70	x
15	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	17154004	24/01/1999	7.20	7.60	5.00	5,00	8.00	6.60	x
16	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	17153002	02/06/1999	7.20	6.80	3.80	6,00	5.00	5.80	
17	Nguyễn Mộng Quế Anh	16128005	26/07/1998	7.20	8.10	7.10	5,90	7.10	7.10	x
18	Nguyễn Ngọc Anh	18111005	26/2/2000	6.00	7.40	2.50	3,90	5.00	5.00	
19	Nguyễn Tuấn Anh	18124005	03/09/2000	7.80	9.30	8.80	8,00	8.60	8.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
20	Nguyễn Tuấn Anh	16154007	15/03/1998	4.50	7.90	3.90	5,60	8.30	6.00	
21	Nguyễn Tuấn Anh	18123005	24/06/2000	6.80	9.10	8.10	8,10	8.10	8.00	x
22	Nguyễn Thiện Anh	16145165	20/08/1998	6.50	5.00	6.60	5,00	0.00	4.60	
23	Nguyễn Thị Kim Anh	18123004	27/11/2000	7.30	7.50	5.00	7,50	8.30	7.10	x
24	Phạm Tuấn Anh	18154006	10/01/2000	6.50	4.40	3.60	3,60	0.80	3.80	
25	Quách Thị Anh	18123006	06/03/2000	6.20	10.00	5.60	5,90	7.50	7.00	x
26	Trần Thị Minh Anh	18155004	21/02/2000	6.70	9.10	7.60	7,60	7.10	7.60	x
27	Trịnh Tuấn Anh	18123007	23/12/2000	6.30	6.60	6.90	8,60	5.00	6.70	x
28	Trịnh Vân Anh	18123008	24/08/2000	8.30	9.60	9.60	8,10	8.60	8.80	x
29	Võ Anh	16114199	23/02/1998	6.80	5.90	5.90	6,40	5.60	6.10	x
30	Lê Thị Ngọc Ánh	17145006	21/09/1999	7.70	7.30	5.00	8,00	9.10	7.40	x
31	Nguyễn Phạm Anh Bắc	18123009	01/06/2000	6.30	9.10	10.00	8,10	7.30	8.20	x
32	Bùi Đình Bằng	17118007	06/03/1999	6.20	5.40	7.40	6,60	4.40	6.00	
33	Trần Công Bằng	15112396	04/08/1996	5.20	0.00	3.40	5,00	1.80	3.10	
34	Trần Ngọc Bằng	15125013	12/01/1996	5.50	5.60	3.00	5,00	5.40	4.90	
35	Bon Krong H Bách	18113008	08/03/2000	5.80	10.00	2.80	6,50	7.00	6.40	
36	Bùi Gia Bảo	17116014	28/09/1999	5.50	5.90	5.90	,80	5.00	4.60	
37	Hồ Thái Bảo	17153004	26/09/1999	6.20	7.10	4.10	3,10	9.50	6.00	
38	Huỳnh Nhật Bảo	17125015	08/05/1999	6.20	7.50	5.00	5,00	3.00	5.30	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
39	Mai Chí Bảo	16113007	30/04/1998	7.30	7.90	5.60	5,00	7.90	6.70	x
40	Đào Văn Bảo	16149182	02/06/1991	6.30	5.40	0.50	3,40	5.00	4.10	
41	Đỗ Gia Bảo	17112008	31/08/1999	7.50	9.10	8.10	9,10	10.00	8.80	x
42	Nguyễn Hoài Bảo	14118103	10/07/1995	7.00	5.80	5.30	3,00	5.00	5.20	
43	Trần Hoàng Bảo	15149010	18/11/1997	7.00	0.00	3.10	3,60	8.00	4.30	
44	Thị Bê	18164001	01/11/2000	5.70	5.00	5.00	2,80	5.60	4.80	
45	Đoàn Thị Ngọc Bích	18122016		6.80	8.90	5.90	,80	7.30	5.90	
46	Nguyễn Thị Ngọc Bích	13113322	30/04/1995	7.50	8.40	8.40	5,00	8.10	7.50	x
47	Lê Văn Bình	16137003	18/01/1998	5.70	7.30	5.30	5,00	5.00	5.70	x
48	Huỳnh Trần Thái Bình	18125024	26/07/2000	8.70	8.40	7.60	7,10	7.10	7.80	x
49	Đặng Tiểu Bình	17137004	18/01/1999	7.20	7.40	5.40	5,60	5.90	6.30	x
50	Nguyễn Trung Bình	14116312	19/09/1996	7.50	0.50	5.00	4,00	5.00	4.40	
51	Trần Nguyễn Thanh Bình	19125028	20/10/2001	6.20	6.10	6.10	7,60	6.10	6.40	x
52	Võ Thị Bình	17125020	02/06/1999	6.30	5.90	3.00	1,80	1.80	3.80	
53	Dương Thành Bồn	17120013	21/06/1999	7.80	8.00	4.00	6,00	6.50	6.50	
54	Phan Thị Hồng Cẩm	18125026	16/04/2000	5.70	7.60	5.00	9,10	6.10	6.70	x
55	Phan Minh Cảnh	17125021	07/09/1996	6.80	6.90	3.90	5,60	5.60	5.80	
56	Vũ Mạnh Côn	18125034	19/09/2000	7.00	7.90	5.40	5,00	5.00	6.10	x
57	Nguyễn Thành Công	15112398	06/04/1997	7.00	2.30	2.50	3,00	0.00	3.00	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
58	Nguyễn Thị	Cường	18125037	11/02/2000	6.30	5.00	5.60	5,60	3.60	5.20	
59	Phan Đình	Cường	16145169	30/10/1998	5.00	6.00	5.00	7,00	6.10	5.80	x
60	Võ Hùng	Cường	16120030	05/10/1998	6.50	5.80	5.00	6,50	5.00	5.80	x
61	Nguyễn Thị Diệu	Cơ	18128019	28/02/2000	6.20	5.00	5.60	6,10	1.80	4.90	
62	Hồ Ngọc	Chấn	17125022	01/12/1999	7.20	7.10	7.10	5,60	5.60	6.50	x
63	Bùi Hoàng Minh	Châu	18139015	23/06/2000	6.00	7.60	5.00	5,60	0.00	4.80	
64	Lê Ngọc	Châu	13154081	08/10/1995	7.00	7.60	5.00	5,90	6.40	6.40	x
65	Lê Thị Ngọc	Châu	18122018	04/11/2000	7.20	8.00	6.80	6,50	8.60	7.40	x
66	Nguyễn Lê Quỳnh	Châu	17154006	07/09/1999	5.30	7.40	6.90	7,60	7.50	6.90	x
67	Nguyễn Kiều	Châu	18125030	10/05/2000	7.70	8.90	6.40	7,10	7.60	7.50	x
68	Phạm Ngọc	Châu	18145008	22/07/2000	5.80	4.60	3.40	5,60	1.80	4.20	
69	Dương Linh	Chi	17120015	26/07/1999	6.00	4.00	3.00	8,00	5.00	5.20	
70	Lê Thị	Chi	18125031	19/08/2000	7.30	8.40	8.40	7,10	7.10	7.70	x
71	Nguyễn Ngọc Hà	Chi	17125024	29/05/1999	7.70	8.90	9.40	7,60	7.10	8.10	x
72	Nguyễn Thị Minh	Chi	17127009	19/06/1999	6.20	6.80	3.50	6,50	7.40	6.10	
73	Nguyễn Thị Tuyết	Chi	18126013	09/11/2000	6.70	6.30	5.00	8,00	8.30	6.90	x
74	Trương Thị Mỹ	Chi	16122400	15/09/1998	4.70	6.10	4.60	,80	2.80	3.80	
75	Nguyễn Tấn	Chí	17154007	19/09/1999	5.70	5.00	8.10	9,60	7.40	7.20	x
76	Lâm Quang	Chiến	15118007	30/03/1997	6.20	6.40	4.40	5,60	6.50	5.80	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
77	Lê Văn Chính	16149198	14/02/1998	7.20	7.40	5.90	5,00	3.90	5.90	
78	Võ Trọng Chương	15124024	23/06/1997	6.30	7.30	1.80	,00	1.80	3.40	
79	Đỗ Trương Hoài Chúc	17424004	20/12/1996	7.20	5.30	7.50	7,50	7.00	6.90	x
80	Trần Văn Danh	15163006	13/07/1997	5.20	6.80	4.00	,80	5.50	4.50	
81	Lê Thị Bích Diễm	18122030		6.30	6.50	4.30	6,50	5.50	5.80	
82	Nguyễn Ngọc Diễm	18126022	22/06/2000	5.00	7.60	7.60	7,60	6.60	6.90	x
83	Phùng Ngọc Diễm	18125048	21/05/2000	5.50	7.40	4.10	7,60	5.00	5.90	
84	Võ Thị Diễm	16113016	27/01/1998	6.70	6.90	2.50	6,40	6.40	5.80	
85	Nguyễn Hồng Diễm	18139024	01/06/2000	6.70	8.10	8.60	8,10	6.60	7.60	x
86	Cao Thị Thu Diệu	18125050	26/04/2000	6.70	8.60	5.40	7,10	6.10	6.80	x
87	Huỳnh Thị Diệu	18127012	20/12/2000	6.20	6.60	7.90	6,10	8.80	7.10	x
88	Lầu Cẩm Din	16126020	15/03/1998	6.70	7.00	3.30	6,50	2.30	5.20	
89	Nguyễn Văn Dư	13145033	28/10/1994	4.30	5.60	3.00	4,10	2.00	3.80	
90	Hoàng Thị Thùy Dương	14126046	25/09/1996	5.30	7.90	5.40	6,60	3.40	5.70	
91	Đinh Thùy Dương	17123012	04/11/1999	6.70	7.50	8.00	8,80	7.30	7.70	x
92	Đoàn Thị Thùy Dương	16120052	09/10/1998	7.30	7.10	6.90	5,00	9.30	7.10	x
93	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	17128021	05/09/1999	6.70	8.60	5.90	3,60	1.30	5.20	
94	Nguyễn Phước Dương	15116028	24/09/1997	5.70	8.30	6.30	4,00	5.80	6.00	
95	Nguyễn Thị Thùy Dương	18122039		5.80	8.10	5.40	7,60	5.60	6.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
96	Phan Lê Thuỳ Dương	16125145	22/08/1998	8.20	8.90	5.00	9,10	7.40	7.70	x
97	Trịnh Hoàng Dương	17628002	20/11/1992	6.50	5.40	8.10	9,10	7.50	7.30	x
98	Võ Ngọc Dương	18116015		5.00	7.40	5.90	6,10	3.90	5.70	
99	Vũ Thị Hồng Dương	17113027	11/05/1999	7.50	8.30	5.30	6,00	4.00	6.20	
100	Phạm Khánh Du	17111027	08/04/1999	7.00	7.90	6.10	6,60	7.50	7.00	x
101	Hồ Thị Thùy Dung	18124020	05/02/2000	6.20	8.40	5.00	5,00	6.90	6.30	x
102	Võ Thị Kiều Dung	17116036	12/12/1999	6.20	8.10	3.60	7,10	6.00	6.20	
103	Nguyễn Trí Dũng	15116026	07/01/1997	5.80	5.80	4.50	2,80	3.30	4.40	
104	Phạm Anh Dũng	16118035	01/08/1998	6.00	0.50	5.00	4,10	2.80	3.70	
105	Bùi Nhật Duy	17145022	12/05/1999	7.30	5.60	5.40	5,60	5.00	5.80	x
106	Lê Thành Duy	18138021	31/07/2000	6.70	6.80	7.80	7,00	2.80	6.20	
107	Đặng Trương Anh Duy	17113028	27/09/1999	6.70	9.00	7.30	5,50	5.00	6.70	x
108	Phùng Thị Mỹ Duy	16124047	01/01/1998	6.20	6.40	3.60	3,60	5.00	5.00	
109	Trần Lê Đức Duy	17111033	28/10/1999	8.30	8.40	5.60	7,60	8.10	7.60	x
110	Trần Thị Duy	17113030	27/12/1999	6.50	8.60	5.40	8,60	8.50	7.50	x
111	Lê Thị Duyên	18116017		6.70	7.00	7.50	6,00	2.50	5.90	
112	Lê Thị Mỹ Duyên	18122043		6.80	8.90	6.40	8,10	5.60	7.20	x
113	Mai Trĩnh Hoàng Duyên	17155013	02/02/1999	6.50	6.30	3.00	5,50	6.10	5.50	
114	Ngô Thị Thùy Duyên	17125059	01/12/1999	7.50	8.90	7.40	7,10	7.10	7.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
115	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	17124034	10/03/1999	6.20	5.40	3.10	6,10	5.40	5.20	
116	Nguyễn Cao Mỹ	Duyên	18124032	27/04/2000	6.80	9.60	5.90	7,60	7.40	7.50	x
117	Nguyễn Thị Danh	Duyên	16120056	03/07/1998	7.00	6.80	5.30	7,50	6.00	6.50	x
118	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	16113027	23/02/1998	5.80	6.90	6.40	5,00	6.10	6.00	x
119	Phạm Thị Mỹ	Duyên	17120029	10/09/1999	8.20	9.00	6.30	8,30	8.00	8.00	x
120	Phạm Kiều	Duyên	18120045		7.50	8.40	9.60	8,10	2.80	7.30	
121	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18125067	12/05/2000	7.20	7.90	8.60	8,60	5.60	7.60	x
122	Phạm Thị Đan	Duyên	18125066	02/08/2000	7.30	8.00	9.30	7,00	1.80	6.70	
123	Trần Bảo	Duyên	18123025	05/02/2000	7.30	9.00	8.30	6,00	7.80	7.70	x
124	Trần Ngọc KỲ	Duyên	17128024	14/08/1999	6.50	6.40	8.10	7,10	6.00	6.80	x
125	Trần Thị Mỹ	Duyên	18125069	12/05/2000	7.50	7.10	5.00	6,60	6.10	6.50	x
126	Đào Minh	Đạt		01/04/1996	7.00	8.60	3.10	7,10	5.00	6.20	
127	Lê Hoàng	Giang	16138027	30/07/1998	7.70	5.00	6.30	,00	10.00	5.80	
128	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	17112042	20/02/1999	6.50	7.90	7.60	5,00	6.00	6.60	x
129	Nguyễn Trường	Giang	16131045	11/05/1998	5.70	6.60	6.60	,00	1.30	4.00	
130	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	18122050		6.20	9.10	6.10	6,10	8.10	7.10	x
131	Trần Thị	Hấm	17128035	17/07/1999	6.80	8.00	7.30	7,30	8.30	7.50	x
132	Lê Thị Hải	Hậu	18122063		6.00	5.30	5.00	6,00	6.00	5.70	x
133	Phạm Văn	Hậu	15124082	16/11/1997	5.30	7.90	5.00	3,60	8.50	6.10	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
134	Trần Phước Hậu	18131015	22/10/2000	8.20	7.90	5.00	6,10	5.60	6.60	x
135	Lý Gia Hân	17128037	21/07/1999	6.70	10.00	9.00	7,50	6.90	8.00	x
136	Nguyễn Thế Hân	16154026	23/07/1998	5.20	5.80	5.00	5,00	7.30	5.70	x
137	Võ Thị Ngọc Hân	17131032	11/07/1998	5.80	5.00	7.10	5,00	5.80	5.70	x
138	Đặng Thị Thu Hằng	16128026	16/08/1998	6.00	5.40	5.00	7,10	10.00	6.70	x
139	Nguyễn Thúy Hằng	15131029	01/11/1997	7.20	3.60	6.60	6,60	2.80	5.40	
140	Sầm Thị Hằng	18122057		6.50	8.30	7.00	8,30	7.00	7.40	x
141	Tạ Thị Lệ Hằng	18122058		7.50	8.30	8.30	6,50	7.60	7.60	x
142	Trương Nguyệt Hoàng Hạ	15125334	17/05/1997	6.80	7.50	7.30	6,00	8.80	7.30	x
143	Bùi Hồng Hạnh	16139057	21/04/1997	6.80	7.80	7.00	7,50	7.40	7.30	x
144	Lê Thị Hạnh	18117016	12/11/2000	4.20	6.40	5.00	8,60	5.60	6.00	
145	Đào Thị Mỹ Hạnh	19123035	13/04/2001	6.00	5.60	2.30	,80	9.10	4.80	
146	Nguyễn Hồng Hạnh	17123021	23/08/1999	8.70	8.00	7.50	5,50	8.30	7.60	x
147	Nguyễn Thị Thu Hạnh	16163027	08/08/1998	6.50	5.10	3.10	3,40	6.40	4.90	
148	Trần Hồng Hạnh	18113033	03/03/2000	7.50	8.60	9.90	8,10	5.90	8.00	x
149	Bùi Thị Như Hà	18125077	12/02/2000	6.50	8.90	6.40	6,10	6.10	6.80	x
150	Bùi Thu Hà	16123054	14/05/1998	6.50	8.90	5.00	8,60	8.10	7.40	x
151	Ngô Thị Thúy Hà	17128032	07/07/1999	6.30	5.60	5.60	5,60	5.00	5.60	x
152	Nguyễn Thị Thu Hà	19126039	08/11/2001	5.80	7.90	3.00	7,10	5.00	5.80	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
153	Nguyễn Phúc Nhật	Hào	17128043	14/01/1999	6.30	8.30	5.00	7,00	8.00	6.90	x
154	Nguyễn Anh	Hào	16121016	29/06/1998	5.80	9.30	5.30	8,00	5.40	6.80	x
155	Nguyễn Văn	Hào	15116035	02/05/1997	7.80	6.10	5.90	7,10	7.30	6.80	x
156	Võ Đại	Hào	15149206	/ /1984	6.30	5.80	5.30	4,00	4.00	5.10	
157	Hồ Thị Phương	Hảo	17117011	04/09/1999	7.50	5.50	8.30	7,00	7.60	7.20	x
158	Nguyễn Bùi Vân	Hảo	18125100	13/11/2000	7.80	9.40	9.40	7,60	9.30	8.70	x
159	Nguyễn Đức	Hảo	16124059	06/02/1997	7.70	7.50	6.00	6,50	10.00	7.50	x
160	Nguyễn Thị Như	Hảo	18126042	06/11/2000	7.70	9.10	9.10	8,10	7.50	8.30	x
161	Bùi Thị	Hiền	16424016	16/11/1993	5.20	6.10	6.10	7,10	5.60	6.00	x
162	Bùi Thị Kim	Hiền	14145044	19/03/1996	5.80	8.00	6.50	6,00	2.80	5.80	
163	Nguyễn Thị Khánh	Hiền	18117018		7.30	8.80	6.00	6,50	7.10	7.10	x
164	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	15112210	28/02/1997	5.80	7.10	7.40	5,60	8.00	6.80	x
165	Nguyễn Thu	Hiền	14125110	12/04/1996	7.50	6.60	3.60	5,90	5.00	5.70	
166	Nguyễn Đức	Hiệp	16111056	04/11/1996	3.50	5.00	5.00	3,00	5.00	4.30	
167	Trương Thị Mỹ	Hiệp	19122055	02/10/2001	7.30	9.00	4.00	6,00	5.00	6.30	
168	Danh	Hiếu	16126054	15/08/1998	4.80	5.00	4.00	2,30	2.80	3.80	
169	Huỳnh Trung	Hiếu	16124065	13/04/1998	7.00	8.10	5.40	8,10	8.10	7.30	x
170	Đoàn Minh	Hiếu	15114049	07/10/1997	4.80	5.00	5.60	7,10	9.30	6.40	
171	Nguyễn Thế	Hiếu	17145029	22/06/1999	7.80	8.50	6.00	6,00	7.30	7.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
172	Nguyễn Trung Hiếu	17149050	19/02/1999	5.20	9.10	5.00	5,00	8.00	6.50	x
173	Nguyễn Minh Hiếu	18122068		7.00	8.50	7.50	8,30	4.00	7.10	
174	Nguyễn Thị Hiếu	18125109	05/01/2000	6.30	7.50	5.50	8,30	7.00	6.90	x
175	Thái Trung Hiếu	16145189	06/07/1997	5.20	5.90	2.90	5,90	5.00	5.00	
176	Trần Minh Hiếu	15112322	15/06/1997	7.00	7.60	7.10	7,10	6.40	7.00	x
177	Trịnh Minh Hiếu	17138020	21/07/1999	6.80	6.60	5.90	9,10	8.10	7.30	x
178	Nguyễn Lê Hiếu	15112269	28/10/1996	5.80	6.90	5.00	6,60	5.90	6.00	x
179	Lê Thảo Hiền	17155017	05/07/1999	5.00	4.10	2.80	,00	5.50	3.50	
180	Nguyễn Thị Diễm Hoa	18122072		6.70	9.50	7.30	8,80	7.00	7.90	x
181	Phạm Thị Kim Hoa		12/04/1999	6.20	8.50	5.00	7,00	5.00	6.30	x
182	Thạch Thị Thúy Hoa	16145288	10/06/1997	6.00	8.10	8.90	8,60	7.40	7.80	x
183	Nguyễn Thị Hoan	17113062	19/03/1999	5.80	5.00	2.50	6,50	6.80	5.30	
184	Phan Thị Kim Hồng	18123040	06/03/2000	7.70	7.40	3.90	6,60	8.10	6.70	
185	Phan Thị Thanh Hồng	18123041	26/05/2000	7.20	7.10	3.90	8,60	8.80	7.10	
186	Võ Thị Mộng Hồng	14126082	18/01/1996	7.20	5.50	2.80	4,00	2.30	4.40	
187	Lê Thanh Hoà	18145025	14/03/2000	6.50	7.10	5.90	7,60	6.10	6.60	x
188	Trần Thị Hoà	16115056	12/06/1998	4.20	4.60	3.10	1,30	5.10	3.70	
189	Nguyễn Thị Như Hoài	16112559	27/09/1997	6.80	7.10	3.90	5,90	2.90	5.30	
190	Mai Văn Hoàng	15112272	01/12/1997	7.00	6.10	6.10	6,60	6.40	6.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
191	Nguyễn Chánh	Hoàng	14138011	26/12/1994	5.80	6.10	1.80	2,90	1.80	3.70	
192	Trịnh Ngọc	Hoàng	17155020	17/10/1999	7.00	7.60	6.40	5,60	2.80	5.90	
193	Vũ Đức	Hoàng	16131075	12/09/1998	6.00	8.50	6.50	5,50	5.00	6.30	x
194	Huỳnh Bảo	Học	18116028		4.30	6.60	5.90	5,00	2.30	4.80	
195	Nguyễn Thế	Hưng	18138033	27/07/2000	6.80	8.80	5.80	10,00	7.00	7.70	x
196	Trần Quốc	Hưng	18125118	06/01/2000	6.80	6.90	5.00	7,10	4.10	6.00	
197	Võ Đại	Hưng	17111050	25/01/1999	5.80	5.00	4.10	8,10	6.00	5.80	
198	Vũ Trung	Hưng	17116057	28/06/1999	5.00	6.60	8.10	5,00	7.80	6.50	x
199	Nguyễn Ngọc	Hòa	18116027		5.50	8.30	5.80	7,50	2.80	6.00	
200	Nguyễn Võ Như	Hòa	14112107	02/01/1996	5.30	6.90	3.10	5,60	3.40	4.90	
201	Bá Thị Diễm	Hương	14116472	20/09/1994	6.50	7.40	6.10	5,00	3.90	5.80	
202	Lê Thu	Hương	17123035	21/01/1999	6.50	5.00	6.40	8,10	7.00	6.60	x
203	Mạch Thị	Hương	17120057	07/01/1999	6.00	9.10	9.10	6,60	5.00	7.20	x
204	Đặng Thị Kim	Hương	18128062	23/01/2000	7.70	8.60	5.00	7,60	6.60	7.10	x
205	Đặng Thùy	Hương	16126068	06/10/1997	7.50	9.60	5.00	7,10	7.00	7.20	x
206	Ngô Xuân	Hương	16112282	10/01/1998	6.00	7.60	5.40	5,60	5.60	6.00	x
207	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	16131087	15/01/1998	6.50	8.40	1.30	5,00	7.60	5.80	
208	Nguyễn Thị Xuân	Hương	15139048	08/04/1996	6.50	6.60	5.90	5,60	2.30	5.40	
209	Phan Thị Mai	Hương	16123091	13/09/1998	6.20	9.10	6.60	7,60	9.10	7.70	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
210	Lương Thị Hường	18123046	06/03/2000	6.20	8.00	6.30	7,00	7.00	6.90	x
211	Ngô Thị Hường	18114008		7.30	9.00	3.00	9,30	5.00	6.70	
212	Phạm Thị Thu Hường	17122056	16/01/1999	7.80	8.00	6.50	8,00	5.80	7.20	x
213	Phạm Võ Thanh Hường	17120060	19/02/1999	6.00	6.40	6.10	7,10	5.40	6.20	x
214	Huỳnh Thị Mỹ Hường	18113052		5.50	6.10	3.90	2,30	2.30	4.00	
215	Hà Thị Hoi	17113067	05/09/1995	7.80	6.40	7.10	5,60	4.10	6.20	
216	Nguyễn Thị Bích Hợp	16126061	09/07/1998	7.00	3.90	2.80	1,80	2.30	3.60	
217	Lê Văn Lâm Huân	19126056	25/12/2001	7.00	8.10	6.60	6,40	9.10	7.40	x
218	Lương Chí Huệ	15112421	20/02/1997	5.30	6.10	3.90	4,10	0.00	3.90	
219	Đạo Đức Huệ	17113285	11/07/1998	6.70	5.90	3.90	5,60	5.00	5.40	
220	Trần Tuấn Huệ	17111047	26/04/1999	7.20	7.00	3.30	,00	8.10	5.10	
221	Trình Thị Huệ	13123053	10/05/1995	6.50	5.90	5.60	6,40	5.90	6.10	x
222	Lý Tấn Hùng	17113070	01/04/1999	7.30	8.90	8.10	7,10	9.30	8.10	x
223	Đinh Đức Hùng	19128052	15/01/2001	6.80	7.50	7.80	5,00	7.10	6.80	x
224	Nguyễn Thanh Hùng	17154035	03/04/1999	6.00	5.30	4.00	5,00	7.60	5.60	
225	Nguyễn Đình Hùng	15114236	05/11/1997	6.70	7.50	2.80	4,00	2.30	4.70	
226	Phạm Văn Minh Hùng	15125341	09/08/1994	5.30	5.30	5.00	7,00	5.00	5.50	x
227	Chu Phúc Huy	16154044	15/10/1996	5.50	8.00	4.00	5,50	5.80	5.80	
228	Đỗ Ngọc Huy	17127032	04/10/1999	7.50	5.60	5.40	6,10	5.00	5.90	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
229	Nguyễn Anh	Huy	17111053	25/01/1999	6.20	8.60	5.60	7,10	10.00	7.50	x
230	Nguyễn Hoàng	Huy	17112079	03/11/1999	6.30	8.40	7.10	7,10	5.50	6.90	x
231	Nguyễn Thanh	Huy	17145035	02/03/1999	7.20	8.50	7.30	5,50	7.10	7.10	x
232	Nguyễn Đức	Huy	15116208	26/08/1997	3.70	3.80	2.30	3,00	5.60	3.70	
233	Nguyễn Trọng	Huy	16139087	06/01/1998	6.20	6.50	5.80	6,00	6.00	6.10	x
234	Phạm Quang	Huy	17123037	11/11/1999	7.50	8.10	8.10	6,10	8.80	7.70	x
235	Phạm Huỳnh Đăng	Huy	15162018	14/10/1997	6.70	7.60	5.90	5,00	5.60	6.20	x
236	Phạm Đăng	Huy	15137029	29/10/1997	7.20	8.90	5.00	5,60	5.50	6.40	x
237	Phạm Thanh	Huy	18126063	13/10/2000	8.20	9.60	7.40	5,00	7.80	7.60	x
238	Trần Cao	Huy	15124113	27/10/1997	6.80	8.60	9.40	7,60	6.10	7.70	x
239	Trần Minh	Huy	17137032	23/01/1999	7.20	7.60	4.40	6,10	7.30	6.50	
240	Trương Quốc	Huy	17139058	09/01/1999	6.30	4.00	2.50	6,00	6.40	5.00	
241	Vũ Văn	Huy	16154051	07/10/1998	6.30	6.30	5.50	5,50	6.60	6.00	x
242	Đỗ Thị Ngọc	Huyền	18122081		7.70	6.80	8.00	7,50	7.60	7.50	x
243	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	17112083	20/01/1999	5.70	5.40	2.50	5,00	7.60	5.20	
244	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	18122082	06/03/2000	8.20	9.40	9.10	8,10	7.10	8.40	x
245	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	14127047	13/06/1996	6.80	7.40	5.00	8,10	7.10	6.90	x
246	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14163105	04/09/1995	5.70	6.30	2.50	5,00	6.00	5.10	
247	Nguyễn Thị Thu	Huyền	14132157	30/09/1995	6.00	6.60	5.00	,00	3.10	4.10	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
248	Trần Thị Thu Huyền	17125117	27/05/1999	6.50	5.10	7.60	5,00	8.00	6.40	x
249	Trần Thị Ngọc Huyền	16149044	13/02/1998	6.70	9.60	0.80	7,10	7.80	6.40	
250	Vũ Quang Huynh	15122081	26/06/1997	6.80	8.10	5.10	6,40	5.90	6.50	x
251	Nguyễn Tuấn Kiệt	17137037	29/07/1999	6.70	7.00	3.00	8,00	7.30	6.40	
252	Huỳnh Thị Thanh Kiều	16122141	25/02/1998	5.00	5.50	3.80	4,00	7.60	5.20	
253	Nguyễn Thị Kiều	17145041	12/05/1998	5.30	6.90	3.10	6,90	8.40	6.10	
254	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	18163018	18/10/2000	6.80	5.90	7.60	5,00	8.90	6.80	x
255	Nguyễn Thị Vân Kiều	18122096		7.70	5.00	8.40	7,60	5.00	6.70	x
256	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	19122091	28/09/2001	6.80	8.00	5.00	5,50	6.30	6.30	x
257	Phạm Thị Thanh Kiều	15127054	19/11/1997	5.70	5.60	1.00	6,10	8.10	5.30	
258	Nguyễn Trung Kiên	18139075	06/02/2000	6.70	8.90	7.40	7,10	0.00	6.00	
259	Bùi Thị Mỹ Kim	18122099	18/09/1999	6.50	6.90	7.10	5,60	8.10	6.80	x
260	Bùi Thị Thiên Kim	17628030	10/11/1984	7.50	7.40	8.10	7,10	6.10	7.20	x
261	Nguyễn Ngọc Hoàng Kim	16120120	01/01/1998	6.30	7.60	7.60	7,10	5.00	6.70	x
262	Võ Thị Mỹ Kim	18122101		6.80	6.90	3.90	5,90	7.50	6.20	
263	Hoàng Văn Kỳ	15153030	07/03/1995	6.70	7.10	4.60	5,00	2.80	5.20	
264	Dương Trọng Kha	18122087	24/09/2000	8.20	8.30	7.00	8,80	7.50	8.00	x
265	Huỳnh Tấn Kha	17424016	27/02/1996	4.30	7.40	1.30	4,10	5.00	4.40	
266	Trần Thị Ly Kha	14127054	15/12/1996	7.20	5.60	5.90	6,90	5.60	6.20	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
267	Võ Minh Kha	18116032		6.20	7.40	6.10	5,00	7.10	6.40	x
268	Đinh Trọng Khang	18116033		6.30	8.60	6.60	7,10	7.50	7.20	x
269	Lê Huỳnh Phương Khanh	16112945	08/08/1995	7.00	5.40	5.90	2,90	6.50	5.50	
270	Lê Mai Khanh	16145294	22/10/1997	4.00	5.90	7.60	5,00	7.10	5.90	
271	Mai Trần Nhật Khanh	18123048	30/06/2000	6.70	7.90	4.10	6,10	6.10	6.20	
272	Nguyễn Duy Khanh	15137071	14/02/1997	5.80	5.00	1.80	3,00	5.00	4.10	
273	Võ Thị Thoại Khanh	17131049	07/03/1998	6.80	5.00	3.10	7,10	6.40	5.70	
274	Võ Thị Kiều Khanh	15122085	23/09/1996	6.50	7.40	5.00	6,60	5.30	6.20	x
275	Đào Quốc Khánh	18122088	01/09/2000	7.00	8.40	6.10	5,00	6.00	6.50	x
276	Đinh Thị Lệ Khánh	16112288	18/01/1998	5.50	8.30	8.00	7,00	7.00	7.20	x
277	Nguyễn Công Khánh	18138042	02/05/2000	6.30	7.10	5.60	7,10	7.60	6.70	x
278	Trần Vũ Khánh	15112275	09/09/1996	5.80	7.00	4.00	5,30	7.30	5.90	
279	Hồ Nhật Khải	16112800	05/05/1998	6.20	7.40	2.80	5,60	3.40	5.10	
280	Lê Hà Khải	17117026	13/04/1999	8.00	6.80	6.00	4,00	6.80	6.30	
281	Trần Quang Khải	17113080	08/06/1999	6.80	9.10	6.40	7,10	7.00	7.30	x
282	Nguyễn Thanh Khiêm	17112092	26/11/1999	7.20	6.60	8.40	6,60	7.80	7.30	x
283	Huỳnh Yến Khoa	14132164	28/10/1996	6.20	7.40	6.10	7,10	3.40	6.00	
284	Đào Minh Khoa	17145039	11/10/1999	6.70	6.90	6.60	6,60	6.80	6.70	x
285	Ngô Tín Khoa	17153037	24/06/1999	8.30	8.60	8.90	9,10	9.30	8.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
286	Nguyễn Đăng	Khoa	17112093	11/12/1999	7.20	9.30	9.00	8,80	8.10	8.50	x
287	Nguyễn Thị Châu	Khoa	17123040	24/12/1999	5.80	7.30	5.50	5,00	5.50	5.80	x
288	Trương Đăng	Khoa	17149063	09/07/1999	6.20	9.40	3.10	6,10	8.50	6.70	
289	Văn Đình Nhật	Khoa	18149031	10/09/2000	6.30	8.90	4.40	7,60	6.60	6.80	
290	Đặng Ngọc	Lâm	17153040	28/12/1999	7.20	7.00	6.00	5,50	9.30	7.00	x
291	Đỗ Văn	Lâm	15122095	19/11/1997	6.70	6.40	5.60	6,10	3.60	5.70	
292	Dương Thị Hạ	Lan	17128065	28/02/1999	6.20	7.50	3.30	5,00	6.60	5.70	
293	Lê Thị Diễm	Lan	16125254	26/02/1998	6.50	5.00	9.60	6,10	5.00	6.40	x
294	Nguyễn Thị	Lan	14114054	02/02/1996	5.50	6.40	5.60	6,40	5.90	6.00	x
295	Nguyễn Thị	Lan	18126077	24/03/2000	6.20	6.60	2.50	5,60	5.00	5.20	
296	Trần Thị	Lan	14113089	20/02/1996	6.20	6.60	5.00	5,00	5.00	5.60	x
297	Lê Quang	Lanh	16137046	06/02/1998	6.50	7.10	2.50	1,80	5.50	4.70	
298	Trương Thị Minh	Lài	17149068	18/05/1999	5.50	7.80	5.30	6,00	5.90	6.10	x
299	Cao Ngọc Phước	Lành	18120097		6.80	3.10	1.50	5,00	6.50	4.60	
300	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	17117032	07/10/1999	6.70	7.00	6.80	5,00	7.00	6.50	x
301	Phạm Thị	Lệ	18125155	26/08/2000	6.00	8.90	6.90	6,10	6.50	6.90	x
302	Phạm Thị Tuyết	Lê	18123054	14/01/2000	6.80	9.00	8.00	6,50	5.30	7.10	x
303	Trương Hoàng	Lê	15113055	12/07/1996	6.30	3.80	0.00	5,50	4.50	4.00	
304	Nguyễn Thị Kim	Liên	17155025	14/10/1999	5.80	8.60	5.00	6,60	5.00	6.20	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
305	Phạm Đức Liêu	15113168	09/06/1997	6.20	4.30	2.30	2,30	2.30	3.50	
306	Hà Thị Mai Linh	18125160	25/04/2000	6.70	8.60	7.60	7,60	8.80	7.90	x
307	Hồ Thị Thùy Linh	18139081	07/05/2000	7.50	7.50	8.00	6,50	7.50	7.40	x
308	Huỳnh Thị Mỹ Linh	15124141	27/02/1997	6.20	2.80	1.80	2,80	2.30	3.20	
309	Khương Thị Mỹ Linh	18113076	19/03/1999	5.30	5.50	2.30	7,50	6.60	5.40	
310	Lê Hoài Linh	14149083	15/02/1996	5.80	8.40	6.40	5,90	5.40	6.40	x
311	Lê Ngọc Trúc Linh	17132031	20/01/1999	6.50	9.00	7.00	8,80	7.10	7.70	x
312	Lê Thị Mỹ Linh	18124069	01/08/2000	5.80	8.90	6.10	7,60	5.90	6.90	x
313	Đỗ Quang Linh	16124083	22/02/1998	7.00	5.00	5.00	6,10	6.50	5.90	x
314	Nguyễn Quang Linh	17153042	05/02/1999	6.50	7.60	5.90	5,90	8.30	6.80	x
315	Nguyễn Thị Yến Linh	17132034	22/03/1999	4.80	8.30	6.00	8,00	5.60	6.50	
316	Nguyễn Lâm Mỹ Linh	18123056	25/07/2000	6.50	8.10	6.60	5,90	7.10	6.80	x
317	Nguyễn Thị Thảo Linh	16125281	29/08/1998	5.00	4.40	2.50	5,40	2.90	4.00	
318	Nguyễn Thùy Linh	15122105	04/11/1997	5.50	6.10	3.90	1,30	3.60	4.10	
319	Nguyễn Văn Linh	16132331	10/01/1998	5.00	5.60	1.50	3,60	5.00	4.10	
320	Tô Nguyễn Yến Linh	16149160	14/10/1998	6.00	4.30	1.30	3,00	0.00	2.90	
321	Hồ Quốc Lộc	17137040	02/06/1999	6.70	6.10	4.10	6,10	5.40	5.70	
322	Nguyễn Thị Kim Lộc	17113100	01/10/1999	6.30	9.10	8.60	6,10	5.00	7.00	x
323	Dương Thị Thanh Loan	18123057	04/11/2000	6.20	8.40	7.40	5,00	7.60	6.90	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
324	Nguyễn Kim Loan	18123058	14/10/2000	5.50	8.00	3.30	8,00	5.50	6.10	
325	Nguyễn Thị Loan	16123124	10/10/1997	5.50	7.50	1.30	5,00	1.50	4.20	
326	Huỳnh Hải Long	18126086	02/04/2000	6.30	9.40	6.40	9,10	6.90	7.60	x
327	Lâm Vũ Long	17153043	15/08/1999	5.30	7.90	7.90	7,60	6.10	7.00	x
328	Lữ ThẠch Long	18124077	15/12/2000	7.30	8.90	8.10	7,60	6.50	7.70	x
329	Lục Tử Long	18145034	15/10/2000	6.20	7.80	5.00	6,00	5.00	6.00	x
330	Nguyễn Thị Kim Long	17131061	20/08/1999	7.30	5.60	2.80	3,90	5.60	5.00	
331	Trần Đức Long	16111089	24/11/1997	7.30	7.90	4.10	5,00	2.80	5.40	
332	Nguyễn Thành Lĩnh	14145067	20/08/1996	5.50	6.40	5.00	7,60	5.60	6.00	x
333	Nguyễn Văn Lương	17118057	10/08/1999	6.00	8.10	6.60	5,00	6.00	6.30	x
334	Nguyễn Thị Lưu	17120086	26/02/1999	5.70	6.90	3.40	1,80	5.60	4.70	
335	Nguyễn Thị Minh Luận	18122119		7.20	6.90	5.90	6,40	6.00	6.50	x
336	Nguyễn Thành Luân	17113106	03/12/1999	6.70	6.10	5.00	6,40	6.60	6.20	x
337	Nguyễn Vũ Luân	17116078	20/11/1999	6.50	6.40	5.00	6,40	6.60	6.20	x
338	Nguyễn Thành Luân	14138019	08/04/1994	5.80	6.00	3.00	3,00	6.00	4.80	
339	Trần Hồng Luân	18116042		6.70	7.60	6.10	3,60	6.60	6.10	
340	So Tấn Lũy	18138054	04/11/1997	6.80	8.60	8.40	7,10	5.40	7.30	x
341	Nguyễn Thị Cẩm Ly	17155032	19/08/1999	6.00	5.00	3.10	5,60	5.60	5.10	
342	Nguyễn Thị Cam Ly	17121009	03/02/1999	5.30	5.40	2.30	2,80	5.00	4.20	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
343	Phạm Thị Trúc Ly	17128078	12/07/1999	5.70	5.80	3.00	,00	5.80	4.10	
344	Phạm Thảo Ly	18126090	27/04/2000	7.30	8.90	8.10	8,10	5.00	7.50	x
345	Nguyễn Bình Trí	16118098	15/12/1998	5.70	7.60	1.80	,00	6.10	4.20	
346	Nguyễn Ngọc	15124165	05/01/1997	8.00	5.90	3.10	5,40	3.00	5.10	
347	Trần Minh	18128098	08/09/2000	6.70	5.90	5.00	7,10	8.10	6.60	x
348	Hoàng Thị	18123063	04/04/2000	7.00	8.60	9.90	8,10	8.30	8.40	x
349	Lê Hoàng	17139078	08/06/1999	7.00	8.60	6.60	5,00	8.60	7.20	x
350	Lê Thị Thu	17125148	25/11/1999	7.00	8.90	7.10	9,10	7.90	8.00	x
351	Nguyễn Thị Ngọc	17113112	11/12/1999	5.00	6.30	5.00	2,30	7.10	5.10	
352	Nguyễn Thị Quỳnh	17139079	21/12/1999	7.80	7.90	5.00	5,60	3.60	6.00	
353	Trần Thị Hồng	18126092	15/10/2000	7.80	6.50	6.50	6,00	5.50	6.50	x
354	Trương	16132337	06/07/1998	7.30	7.10	3.60	7,60	2.30	5.60	
355	Nguyễn Hữu	15124167	10/01/1997	5.70	7.40	1.00	,00	1.80	3.20	
356	Thông Nữ Trà	17123150	27/03/1998	5.80	7.10	4.10	6,90	3.10	5.40	
357	Trần Thị Kiều	18122128	14/09/2000	7.70	6.60	2.90	5,00	8.30	6.10	
358	Kiều Tuấn	17116081	08/05/1998	7.70	5.40	8.40	7,10	9.30	7.60	x
359	Lê Nhật	14114074	01/01/1996	7.00	6.40	5.60	6,90	5.90	6.40	x
360	Nguyễn Công	18124081	04/09/2000	8.00	7.60	6.90	5,90	5.60	6.80	x
361	Lê Nguyễn Hằng	19126100	07/02/2001	6.00	8.10	5.60	5,60	7.00	6.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
362	Châu Thị Yến My	16124095	19/02/1996	6.50	6.00	5.30	6,50	5.50	6.00	x
363	Lê Thị Diễm My	17125159	16/08/1999	6.50	8.40	5.40	6,10	6.10	6.50	x
364	Lê Thị Ngọc My	18120129		6.20	8.90	3.60	1,80	1.30	4.40	
365	Nguyễn Thị Diễm My	17145049	20/10/1999	6.30	7.90	5.00	7,60	8.40	7.00	x
366	Phạm Thị Kim My	17125161	21/11/1999	6.50	8.00	5.00	4,00	7.40	6.20	
367	Phạm Thị Diệu My	16155044	20/06/1998	6.50	7.00	4.00	3,50	7.30	5.70	
368	Trương Trà My	17123056	22/03/1999	6.70	5.60	3.90	7,10	5.00	5.70	
369	Võ Thanh My	18139100	10/08/2000	7.30	9.40	8.90	7,60	9.10	8.50	x
370	Diệp Thị Ái Mỹ	18122135		7.30	8.10	7.60	7,60	6.40	7.40	x
371	Nguyễn Lộc Hoàng Mỹ	16127065	20/03/1998	5.30	6.40	4.10	5,00	6.00	5.40	
372	Lê Thị Na	18120131	20/12/2000	7.30	8.90	5.00	8,60	2.80	6.50	
373	Trần Hải Đăng	16145170	20/01/1998	6.00	7.10	5.40	5,00	6.00	5.90	x
374	Trần Hải Đăng	18125038	20/02/2000	7.80	7.90	5.60	7,60	5.00	6.80	x
375	Võ Thiên Đăng	18149013	21/03/2000	7.00	8.00	6.00	8,00	8.10	7.40	x
376	Ngô Văn Đại	14112459	21/10/1995	6.00	8.10	5.90	6,60	6.10	6.50	x
377	Nguyễn Thanh Đại	16128014	27/08/1998	6.30	6.60	5.00	4,10	3.10	5.00	
378	Dương Tấn Đạt	17153012	06/09/1999	7.50	6.00	6.50	7,00	7.30	6.90	x
379	Lê Đình Đạt	17113268	20/11/1999	7.20	8.00	5.00	8,00	5.00	6.60	x
380	Ngô Thành Đạt	15114232	10/01/1997	7.00	6.90	5.90	7,10	5.90	6.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
381	Nguyễn Quân Đạt	17154012	09/08/1999	7.20	7.40	7.40	7,10	9.30	7.70	x
382	Nguyễn Lê Hải Đạt	14113034	20/11/1996	6.50	5.80	0.80	1,80	0.00	3.00	
383	Phan Minh Đạt	19126022	20/12/2001	6.50	6.50	6.80	8,80	7.00	7.10	x
384	Phan Thành Đạt	18118022		7.20	8.50	6.80	3,50	7.50	6.70	
385	Bùi Phương Nam	15125359	27/12/1997	6.80	8.60	8.10	6,90	5.00	7.10	x
386	Trần Hoàng Nam	14132048	03/05/1995	7.20	8.10	7.40	6,90	8.50	7.60	x
387	Trần Kiến Nam	17115071	15/01/1998	7.80	6.10	5.90	5,60	8.30	6.70	x
388	Trương Bắc Nam	18124085	08/08/2000	7.50	9.40	8.40	7,10	8.00	8.10	x
389	Nguyễn Thị Mỹ Đang	17112019	19/06/1999	7.70	6.50	7.00	7,00	7.00	7.00	x
390	Trần Ngọc Đào	17125035	25/10/1999	6.70	8.10	3.90	7,10	5.00	6.20	
391	Tounẻh Naria	15126197	10/07/1996	7.30	6.60	7.90	7,60	8.10	7.50	x
392	Dương Thị Diệp	18125049	02/08/2000	7.30	8.60	7.90	9,10	8.10	8.20	x
393	Hồ Ngọc Diệp	17124017	09/02/1999	6.50	6.60	2.90	6,90	8.10	6.20	
394	Nguyễn Văn Đồng	16112507	19/12/1998	6.30	8.10	8.60	7,10	5.00	7.00	x
395	My Nô	14126317	16/06/1994	6.50	5.60	3.60	2,80	7.30	5.20	
396	Ngô Khánh Đông	19128023	14/03/2001	6.70	7.60	3.60	5,60	6.60	6.00	
397	Ngô Ngọc San Đông	18125055	12/01/2000	7.20	8.10	7.10	8,60	8.10	7.80	x
398	Phạm Hữu Định	15118016	26/07/1996	6.20	7.10	4.60	1,80	5.60	5.10	
399	Đào Thị Ái Nữ	18122191		7.00	5.90	5.00	5,90	8.10	6.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
400	Nguyễn Chí Đức	16138021	10/11/1998	5.30	8.30	2.30	7,00	5.60	5.70	
401	Tôn Thanh Huỳnh Đức	14114160	03/07/1996	5.50	7.60	3.40	3,00	5.00	4.90	
402	Chau Sóc Pha Nút	18145052	01/01/2000	5.30	3.30	1.80	7,00	0.00	3.50	
403	Huỳnh Ngọc Đủ	16112818	14/03/1998	5.70	7.30	1.80	2,80	0.00	3.50	
404	Trần Thị Thu Nga	18112121		7.50	8.50	8.30	6,50	6.00	7.40	x
405	Bùi Thị Thu Ngân	16124103	11/03/1997	5.20	5.00	3.00	7,50	5.90	5.30	
406	Hồ Thị Thủy Ngân	17125463	27/08/1999	6.70	6.80	1.00	5,50	3.80	4.80	
407	Huỳnh Kim Ngân	17114034	19/06/1999	5.30	7.10	5.90	6,10	5.00	5.90	x
408	Lý Thị Thanh Ngân	17111090	08/08/1999	6.00	8.40	5.90	8,60	5.00	6.80	x
409	Đỗ Thanh Ngân	18120135		7.30	8.50	8.80	8,00	5.50	7.60	x
410	Đỗ Thị Kim Ngân	17113125	26/06/1999	7.80	9.50	8.30	8,80	9.50	8.80	x
411	Đoàn Thị Mỹ Ngân	18120136	30/10/2000	7.50	7.10	5.40	7,90	8.00	7.20	x
412	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	17113128	31/07/1999	6.70	8.50	8.00	7,00	6.30	7.30	x
413	Nguyễn Hoài Ngân	18126102	29/10/1999	7.30	9.60	7.10	6,10	5.80	7.20	x
414	Nguyễn Thị Thủy Ngân	18124090	14/01/2000	6.30	7.50	4.00	5,00	5.60	5.70	
415	Nguyễn Thị Kim Ngân	16124106	31/01/1998	7.70	5.40	7.10	7,10	5.90	6.60	x
416	Phan Thanh Ngân	17149093	23/10/1999	6.20	7.00	5.00	5,50	5.50	5.80	x
417	Phan Thị Kim Ngân	19145054	09/02/2001	4.80	1.00	1.50	1,30	3.00	2.30	
418	Từ Kim Ngân	15112087	22/11/1997	7.20	6.30	6.50	6,00	3.00	5.80	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
419	Trần Thanh Ngân	17124111	01/03/1999	5.00	7.50	3.00	6,50	5.30	5.50	
420	Trần Thị Kim Ngân	18139107	23/01/2000	5.50	7.80	7.30	7,00	5.00	6.50	x
421	Trương Kim Ngân	18123080	27/02/2000	7.00	10.00	7.40	8,60	9.50	8.50	x
422	Phạm Hoài Nghi	16138060	23/09/1998	6.50	6.50	5.00	7,00	5.00	6.00	x
423	Võ Kim Ngoan	17122095	07/07/1999	7.00	7.10	7.90	7,60	6.00	7.10	x
424	Bùi Thị Bích Ngọc	16111110	19/03/1997	7.50	7.90	7.60	5,00	7.50	7.10	x
425	Dương Khánh Ngọc	17128088	18/04/1999	7.30	7.60	5.90	6,60	6.10	6.70	x
426	Dương Thị Bích Ngọc	18124094	19/02/2000	5.80	7.40	7.10	5,00	5.00	6.10	x
427	Hồng Minh Ngọc	18126109	07/04/2000	6.70	6.90	4.10	7,10	7.80	6.50	
428	Hoàng Thị Ánh Ngọc	18125212	04/02/2000	6.30	8.10	5.00	7,10	9.10	7.10	x
429	Huỳnh Thị Cẩm Ngọc	17122096	04/08/1999	6.50	5.50	4.00	7,50	5.00	5.70	
430	Lê Nguyễn Thanh Ngọc	14124454	28/04/1992	5.50	6.50	3.00	3,00	6.10	4.80	
431	Đặng Long Bảo Ngọc	17126210	12/04/1998	6.50	3.00	5.00	6,50	8.90	6.00	
432	Nguyễn Thị Bích Ngọc	17122098	26/08/1999	5.80	5.00	0.80	1,30	5.00	3.60	
433	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	18122150	17/02/2000	6.80	7.60	5.00	8,10	9.50	7.40	x
434	Phạm Hoài Ngọc	18120146		6.30	6.80	3.50	6,50	5.50	5.70	
435	Hồ Thị NgOt	18123082	16/02/2000	7.70	8.10	6.10	7,10	7.60	7.30	x
436	Võ Thị Bích NgUy	18125221	07/03/2000	5.80	6.40	3.90	5,00	5.00	5.20	
437	Bùi Thị Ánh Nguyệt	18125226	16/02/2000	6.00	8.00	5.50	5,50	4.00	5.80	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
438	Nguyễn Minh Nguyệt	18123083	13/06/2000	6.50	8.40	6.10	4,10	5.90	6.20	
439	Nguyễn Thanh Nguyệt	19128114	11/05/2001	6.00	6.60	5.00	8,10	3.00	5.70	
440	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	16126117	26/09/1998	6.00	6.40	3.10	7,10	9.40	6.40	
441	Tô Thị Nhật Nguyệt	17126092	20/03/1996	6.00	5.00	1.80	1,30	5.00	3.80	
442	Châu Ngọc Phúc Nguyên	18125222	10/11/2000	5.80	8.80	6.00	6,50	8.00	7.00	x
443	Hồ Võ Thanh Nguyên	19125224	16/05/2001	6.20	8.60	5.90	7,10	6.10	6.80	x
444	Hoàng Vũ Thảo Nguyên	18120147	20/11/2000	6.70	7.10	4.40	9,10	5.00	6.50	
445	Nguyễn Ngọc Nguyên	18116048		6.80	8.40	6.10	6,40	7.10	7.00	x
446	Phạm Sĩ Nguyên	17154058	04/09/1999	6.80	8.60	8.60	8,60	7.30	8.00	x
447	Trần Thị Thảo Nguyên	16117041	28/02/1998	6.30	5.50	2.00	4,00	8.00	5.20	
448	Võ Hạnh Nguyên	17125185	03/10/1999	7.50	8.40	5.00	6,90	10.00	7.60	x
449	Võ Nhật Nguyên	15112340	20/03/1997	6.80	3.60	3.10	5,00	5.40	4.80	
450	Lê Đặng Ái Nha	17120107	02/09/1999	6.30	7.90	6.40	5,00	6.40	6.40	x
451	Hồ Thanh Nhân	12112295	06/10/1994	6.00	6.90	6.60	6,60	0.80	5.40	
452	Huỳnh Hữu Nhân	16118107	01/01/1998	6.20	5.00	4.10	6,10	5.50	5.40	
453	Lê Thành Nhân	18124104	25/02/2000	7.00	7.10	4.00	5,60	5.00	5.70	
454	Lê Thị Thanh Nhân	18125231	05/10/2000	6.70	6.50	7.00	7,50	7.00	6.90	x
455	Lê Văn Nhân	17118069	09/11/1999	8.20	9.40	5.60	5,60	7.50	7.30	x
456	Đỗ Thị Mỹ Nhân	18125230	16/04/2000	7.80	8.10	0.80	6,90	6.10	5.90	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
457	Nguyễn Bá Nhân	16126120	01/01/1998	5.50	5.40	2.00	5,00	6.10	4.80	
458	Nguyễn Thiện Nhân	18116051		7.30	8.60	7.90	5,60	10.00	7.90	x
459	Nguyễn Trọng Nhân	18145046	11/03/2000	6.80	3.90	5.40	5,90	6.10	5.60	
460	Lê Thị Nhĩ	14114320	08/07/1995	5.80	6.90	5.60	5,10	8.60	6.40	x
461	Trịnh Thị Nhân	19123083	03/12/2001	5.00	5.40	5.00	3,10	3.10	4.30	
462	Hoàng Thị Huệ	17126098	21/04/1999	6.00	7.90	6.60	5,60	6.80	6.60	x
463	Huỳnh Tuyết	17122254	06/09/1999	5.30	6.30	7.50	7,00	4.00	6.00	
464	Huỳnh Thị Yến	16116131	09/08/1998	6.70	6.50	2.50	2,80	8.00	5.30	
465	Lâm Thị Xuân	17628031	18/03/1990	7.30	6.60	8.90	7,60	6.60	7.40	x
466	Lê Yến	18123085	07/03/2000	5.50	5.00	1.00	,00	7.00	3.70	
467	Đoàn Bá Yến	18120154		7.00	8.60	6.10	6,10	6.10	6.80	x
468	Nguyễn Thị Thảo	17116107	22/12/1999	8.00	8.90	1.50	6,10	7.60	6.40	
469	Nguyễn Thị Yến	17112140	07/10/1999	7.20	6.10	3.90	5,00	9.60	6.40	
470	Nguyễn Mai Yến	18126116	16/04/2000	7.80	8.10	7.40	8,10	2.30	6.70	
471	Nguyễn Đoàn Thảo	15131093	17/04/1997	6.20	6.10	5.60	5,60	5.00	5.70	x
472	Nguyễn Thị Vân	19123091	15/07/2001	6.70	6.90	5.10	5,40	7.40	6.30	x
473	Nguyễn Thị Yến	15112344	24/06/1997	6.50	6.90	5.00	6,90	5.40	6.10	x
474	Phạm Thị Yến	17131092	19/10/1999	6.00	7.50	6.30	6,50	7.30	6.70	x
475	Trần Thị Yến	15124196	15/05/1997	6.00	7.00	3.00	5,00	5.00	5.20	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
476	Trần Yến Nhi	18122174	09/04/2000	7.00	8.90	6.10	8,10	7.00	7.40	x
477	Võ Thị Tuyết Nhi	18122175		5.30	7.40	7.40	6,10	5.60	6.40	x
478	Huỳnh Thị Quỳnh Như	18113114		6.80	7.50	8.00	8,00	5.00	7.10	x
479	Lê Thị Quỳnh Như	17124121	20/03/1999	6.20	7.60	5.90	6,60	8.80	7.00	x
480	Đông Huỳnh Như	14111289	16/09/1995	5.50	7.80	6.50	7,00	5.80	6.50	x
481	Nguyễn Huỳnh Như	17128098	06/04/1999	7.70	9.40	9.40	6,90	7.10	8.10	x
482	Nguyễn Hà Quỳnh Như	19128122	29/11/2001	6.70	9.00	3.00	8,80	9.50	7.40	
483	Nguyễn Hoàng Nhựt Như	18122180	17/02/2000	6.00	7.60	3.10	6,60	5.00	5.70	
484	Nguyễn Thị Huỳnh Như	18126122	06/10/2000	6.00	6.90	4.40	5,00	8.10	6.10	
485	Nguyễn Thị Tuyết Như	18163026	05/06/2000	5.70	7.60	5.90	6,40	3.10	5.70	
486	Nguyễn Thị Huỳnh Như	14145092	02/12/1996	6.00	5.00	5.00	6,10	7.80	6.00	x
487	Văn Đặng Hoàng Như	16145232	28/02/1998	5.30	6.30	2.50	2,00	7.80	4.80	
488	Võ Thị Huỳnh Như	18163027	26/09/2000	6.20	8.40	7.90	6,40	2.30	6.20	
489	Nguyễn Minh Nhựt	17126108	31/08/1999	8.00	8.10	1.30	5,00	7.10	5.90	
490	Nguyễn Minh Nhựt	18145050	15/05/2000	5.50	8.40	5.00	5,00	6.60	6.10	x
491	Lê Thị Cẩm Nhung	18122186		6.80	5.00	7.30	6,50	8.50	6.80	x
492	Lê Thị Hồng Nhung	16112325	27/06/1998	6.20	7.00	6.00	6,50	6.50	6.40	x
493	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	17123078	01/02/1999	5.50	6.60	5.00	7,60	5.60	6.10	x
494	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18126124	18/12/2000	6.70	9.10	5.60	6,10	9.60	7.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
495	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18122187		7.80	8.80	5.80	5,30	7.30	7.00	x
496	Nguyễn Trần Hồng	Nhung	19123105	06/03/2001	5.00	4.60	3.90	5,00	5.60	4.80	
497	Phan Thị Hồng	Nhung	16115129	13/12/1997	6.70	7.40	3.10	5,00	5.00	5.40	
498	Vũ Thị Hồng	Nhung	17155043	01/05/1999	5.80	8.00	5.00	5,50	6.30	6.10	x
499	Dương Thị Kim	Oanh	17126109	09/06/1999	5.20	6.00	3.30	3,50	8.10	5.20	
500	Nguyễn Như Quỳnh	Oanh	18126128	16/03/1997	6.80	8.40	6.40	7,10	7.90	7.30	x
501	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	15126111	05/01/1997	6.70	8.10	6.60	8,60	7.00	7.40	x
502	Phạm Thị Kiều	Oanh	18139144	28/11/2000	5.50	5.50	1.30	5,50	0.00	3.60	
503	Trần Thị	Oanh	18122194		6.50	7.00	3.00	5,00	4.00	5.10	
504	Vũ Thị	Oanh	16112654	07/11/1998	7.30	6.90	5.60	5,00	6.60	6.30	x
505	Đặng Minh	Phát	17112150	26/10/1999	7.30	6.40	3.40	5,00	7.00	5.80	
506	Thạch Dương	Phát	17118075	00/00/1999	7.00	8.80	7.80	7,50	8.00	7.80	x
507	Trần Hoàng Nhuận	Phát	18145053	30/12/2000	6.80	6.40	5.00	9,10	5.60	6.60	x
508	Võ Văn	Phát	16112659	09/10/1998	4.50	6.10	4.10	6,60	5.60	5.40	
509	Nguyễn Văn	Phi	15139094	15/03/1997	5.50	7.40	4.60	1,30	5.60	4.90	
510	Bùi Thanh	Phong	17118077	11/09/1999	6.00	6.60	3.40	5,60	8.50	6.00	
511	Đào Thanh	Phong	16131177	04/02/1998	5.80	5.00	3.60	5,60	5.00	5.00	
512	Nguyễn Thanh	Phong	15154039	09/09/1997	7.70	8.90	6.90	8,60	6.50	7.70	x
513	Nguyễn Thanh	Phong	15154039	09/09/1997	8.30	6.90	8.60	5,40	6.50	7.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
514	Nguyễn Văn Phong	18154095	01/03/2000	6.50	7.60	3.60	9,10	5.40	6.40	
515	Vũ Hải Phong	18155070	31/10/2000	6.20	7.40	6.40	7,60	6.10	6.70	x
516	Đặng Thị Thu Phượng	18120187		6.20	8.30	5.50	5,00	3.30	5.70	
517	Nguyễn Thị Kim Phượng	17128107	15/07/1999	7.70	8.30	7.30	9,30	7.10	7.90	x
518	Nguyễn Thị Mai Phượng	17117057	15/11/1999	8.80	8.60	7.10	9,10	7.40	8.20	x
519	Trương Thị Phượng	14111141	15/11/1995	7.20	5.00	5.00	7,50	7.50	6.40	x
520	Ka Phượng	18124190	11/12/1999	5.00	8.90	6.60	7,60	5.60	6.70	x
521	Đỗ Thị Phượng	17111113	20/09/1999	6.70	9.30	8.00	8,80	8.80	8.30	x
522	Đoàn Lan Phượng	18120182		5.70	8.60	6.60	5,40	5.00	6.30	x
523	Nguyễn Ngọc Lan Phượng	18123099	19/10/2000	6.00	8.60	7.40	9,10	8.00	7.80	x
524	Nguyễn Thị Xuân Phượng	18149062	25/05/2000	6.20	8.60	5.40	7,60	6.10	6.80	x
525	Trần Nam Phượng	17164008	09/01/1999	5.70	5.00	4.00	8,00	8.40	6.20	
526	Lê Tuấn Phước	15112449	02/03/1996	6.70	8.60	5.60	6,10	6.10	6.60	x
527	Trương Công Phu	18125266	10/09/1999	6.50	8.80	5.00	7,50	6.30	6.80	x
528	HuỳnhTrần Khánh Phụng	18120178		4.80	8.80	5.00	5,00	2.00	5.10	
529	Lê Thị Mỹ Phụng	16117054	19/03/1998	5.20	8.40	3.00	6,10	3.00	5.10	
530	Trần Nguyễn Tiểu Phụng	19122199	05/07/2001	5.00	8.60	5.60	7,10	5.10	6.30	x
531	Lê Anh Phú	16122262	02/03/1998	5.80	7.40	3.60	7,10	6.90	6.20	
532	Đoàn An Lê Phú	18139149	23/09/2000	5.80	8.30	9.30	8,00	3.00	6.90	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
533	Nguyễn Hoàng Phú	15124221	16/09/1997	5.20	5.60	3.10	7,10	6.10	5.40	
534	Quách THạnh Phú	18154096	15/06/2000	6.70	6.40	5.90	8,60	6.60	6.80	x
535	Bùi Xuân Phúc	17122120	08/08/1999	5.30	7.10	5.90	7,10	7.10	6.50	x
536	Lê Hồng Phúc	18122200	14/09/2000	8.00	9.10	6.10	7,60	8.50	7.90	x
537	Đoàn Ngọc Thanh Phúc	17128103	15/11/1999	5.70	7.40	6.40	6,60	0.00	5.20	
538	Nguyễn Thị Hồng Phúc	17122121	21/10/1999	5.80	9.00	8.30	8,80	6.40	7.70	x
539	Nguyễn Minh Phúc	15131103	21/04/1997	6.00	6.90	5.00	7,10	3.90	5.80	
540	Nguyễn Văn Phúc	18145055	29/03/2000	7.70	8.00	7.30	9,30	6.50	7.80	x
541	Nguyễn Văn Phúc	18122203	13/09/2000	7.30	5.00	6.00	9,30	7.50	7.00	x
542	Phạm Thị Phúc	15112448	06/10/1997	6.20	5.30	5.00	3,00	0.00	3.90	
543	Lê Thành Quân	18116067		6.80	5.90	8.10	9,10	5.00	7.00	x
544	Phạm Bá Minh Quân	16116157	30/07/1996	6.80	5.00	4.00	7,00	6.50	5.90	
545	Trần Minh Quân	15131111	11/02/1997	6.20	8.00	3.00	5,50	6.50	5.80	
546	Lê Xuân Quang	18155075	25/05/2000	6.30	8.90	8.10	6,40	9.10	7.80	x
547	Đặng Văn Quang	13113451	10/06/1995	4.80	7.10	5.60	6,60	7.10	6.20	
548	Trần Minh Quang	14137056	05/09/1995	7.00	7.40	7.40	8,10	3.10	6.60	
549	Hoàng Thị Hương Quế	18122214	05/02/2000	7.30	8.30	9.00	8,00	9.00	8.30	x
550	Trần Ngọc Quế	16154077	12/06/1998	6.80	5.40	5.60	7,60	5.00	6.10	x
551	Nguyễn Thiị Ngọc Quế		17/01/2000	7.30	8.10	7.10	5,60	7.40	7.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
552	Lê Quỳnh Khả	Quý	16127096	09/08/1998	5.50	7.40	3.90	5,40	6.40	5.70	
553	Lương Kiến	Quốc	17125231	13/12/1999	7.80	7.10	8.10	9,60	8.10	8.10	x
554	Hồ Thị THIỀN	Quyên	18112173		7.00	7.90	5.90	6,90	7.10	7.00	x
555	Lê Thị Ngọc	Quyên	16120206	07/11/1998	6.30	8.90	6.60	3,10	8.00	6.60	
556	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	17628014	04/11/1992	7.00	6.90	5.00	1,80	6.10	5.40	
557	Đỗ Ngọc Như	Quỳnh	17128109	18/03/1999	6.00	8.40	5.60	7,10	6.40	6.70	x
558	Nguyễn Như	Quỳnh	13115090	14/01/1995	5.30	6.60	3.10	7,60	8.90	6.30	
559	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18116071		5.30	8.80	5.00	8,30	5.40	6.60	x
560	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	17424033	01/01/1996	7.50	6.40	5.00	5,40	6.00	6.10	x
561	Phạm Thị Như	Quỳnh	18123107	08/10/2000	6.30	9.10	7.90	8,10	8.10	7.90	x
562	Phạm Thị Phương	Quỳnh	16120213	04/01/1998	7.50	6.60	4.10	7,60	5.00	6.20	
563	Trần Lam	Quỳnh	18163030	10/03/2000	6.70	8.60	8.40	9,10	2.90	7.10	
564	Đinh Văn	Quý	14132210	12/04/1995	7.70	7.30	4.30	5,50	2.30	5.40	
565	Ngô Vương Phú	Quý	18122217	02/01/2000	6.80	8.50	7.30	7,00	8.80	7.70	x
566	Ksở HỒ	Rim	17139119	04/04/1999	7.70	5.00	5.00	8,30	6.60	6.50	x
567	Hoàng Tấn	Sang	16139169	23/09/1998	6.70	6.10	7.10	9,10	5.90	7.00	x
568	Lê Minh	Sang	17118088	19/03/1999	7.50	8.40	7.60	5,90	9.80	7.80	x
569	Trần Phước	Sang	18145060	14/02/2000	6.20	8.90	6.90	8,10	3.40	6.70	
570	Trần Thanh	Sang	15112285	22/09/1995	7.70	8.00	5.00	8,30	5.00	6.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
571	Trương Thị Hồng Sim	17131109	10/09/1999	4.70	2.50	1.80	5,60	0.00	2.90	
572	Nguyễn Xuân Sinh	16154083	12/12/1998	7.00	6.80	7.50	5,50	6.10	6.60	x
573	Phùng Thị Diễm Sương	18122235		7.50	5.00	8.40	6,60	6.00	6.70	x
574	Hoàng Thanh Sơn	15116134	29/01/1997	5.50	5.00	2.50	1,80	6.60	4.30	
575	Huỳnh Vũ Sơn	16127101	26/06/1998	6.30	6.40	3.60	5,60	5.90	5.60	
576	Lê Đình Kim Sơn	13149556	14/04/1994	3.80	0.80	2.80	,00	2.30	1.90	
577	Nguyễn Ngọc Sơn	14132212	18/02/1996	6.20	5.90	6.60	5,00	6.10	6.00	x
578	Tạ Ngọc Sơn	15122185	12/11/1997	6.70	6.40	5.00	3,60	8.10	6.00	
579	Lê Minh Tấn	17154086	26/04/1999	7.50	8.60	6.40	10,00	10.00	8.50	x
580	Bùi Thị Băng Tâm	17122136	25/10/1999	5.80	7.80	5.00	5,00	6.10	5.90	x
581	La Vĩ Tâm	16149113	26/08/1998	4.50	5.40	1.00	6,60	6.80	4.90	
582	Đỗ Thị Thanh Tâm	17125247	21/03/1999	6.70	8.00	3.30	6,00	6.30	6.10	
583	Nguyễn Thị Tâm	16112343	21/11/1997	4.00	3.90	6.90	6,60	3.60	5.00	
584	Nguyễn Thị Minh Tâm	18122240	05/04/2000	6.80	7.80	6.80	7,00	8.10	7.30	x
585	Phan Thanh Tâm	16111186	10/09/1998	6.00	8.90	6.60	5,60	8.80	7.20	x
586	Hồ Minh Tân	17111126	06/06/1999	8.20	8.60	8.90	7,60	5.00	7.70	x
587	Nguyễn Minh Tân	16113119	10/02/1998	6.30	7.90	5.00	7,40	7.10	6.70	x
588	Nguyễn Phúc Tân	18145063	15/09/2000	7.00	8.80	6.80	9,30	7.50	7.90	x
589	Phạm Xuân Tân	17114048	24/03/1999	6.30	8.60	7.60	7,10	6.90	7.30	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
590	Đỗ Xuân Tài	15114139	18/04/1997	6.70	9.00	7.00	6,00	8.80	7.50	x
591	Võ Thành Tài	15155058	13/06/1997	5.50	7.10	2.80	9,10	1.30	5.20	
592	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	18120247		5.70	6.90	4.40	3,40	5.00	5.10	
593	Trần Thị Tiên	18115100		7.30	8.00	6.30	9,30	8.00	7.80	x
594	Hồ Văn Tiến	18124148	18/11/2000	5.30	8.40	8.40	7,10	6.10	7.10	x
595	Huỳnh Minh Tiến	18116092		5.70	6.10	6.60	7,60	7.30	6.70	x
596	Lê Cao Quốc Tiến	17154102	16/06/1999	5.50	8.90	5.00	9,60	7.00	7.20	x
597	Đặng Đình Tiến	15112290	02/05/1996	6.30	6.90	4.40	5,40	6.10	5.80	
598	Nguyễn Ngọc Tiến	16111226	26/02/1998	6.30	6.30	4.00	9,30	5.50	6.30	
599	Nguyễn Trọng Tiến	17153070	22/07/1999	6.80	8.00	5.50	6,50	6.00	6.60	x
600	Trần Văn Tiến	14163285	03/09/1996	6.50	6.60	2.00	7,60	2.30	5.00	
601	Phạm Kim Tiễn	14139216	24/06/1996	6.30	7.60	5.00	5,60	2.30	5.40	
602	Nguyễn Văn Tiễn	17131133	06/04/1999	7.00	8.60	5.00	6,60	7.40	6.90	x
603	Cù Thị Kiều Tiên	17125300	19/08/1999	6.00	7.00	8.50	7,50	6.10	7.00	x
604	Đỗ Thị Cẩm Tiên	17122163	08/06/1999	7.80	7.60	8.90	6,90	9.30	8.10	x
605	Nguyễn Thị Minh Tiên	17122164	27/04/1998	5.70	6.90	3.90	5,60	8.80	6.20	
606	Nguyễn Thị Thủy Tiên	17125301	09/12/1999	7.80	8.80	7.30	10,00	10.00	8.80	x
607	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	17128143	04/01/1999	7.20	6.90	7.10	6,60	7.30	7.00	x
608	Tạ Thanh Tiên	18164023	16/08/2000	5.80	8.60	5.00	7,60	7.10	6.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
609	Trần Thị Ái Tiên	18155092	21/04/2000	6.70	8.00	5.50	5,50	6.50	6.40	x
610	Trần Thị Á Tiên	15111151	02/08/1997	6.00	8.00	6.00	8,80	5.00	6.80	x
611	Nguyễn Trung Thành	18155093	20/07/2000	5.30	7.90	6.10	5,00	5.00	5.90	x
612	Phạm Hữu Hoài	15139127	18/12/1992	6.70	6.90	9.10	7,10	6.60	7.30	x
613	Trần Hữu	17137068	01/01/1999	7.50	6.40	5.40	7,10	7.60	6.80	x
614	Trần Thanh	17112223	22/12/1999	6.80	8.90	8.60	8,60	7.30	8.00	x
615	Mai Thị Xuân	18126181	05/12/2000	6.70	7.00	4.00	7,80	6.60	6.40	
616	Nguyễn Thị Bé	18126201	10/02/2000	6.00	9.10	5.00	6,40	6.90	6.70	x
617	Nguyễn Minh	17139148	16/11/1999	6.30	6.60	3.40	6,60	9.10	6.40	
618	Nguyễn Thanh	15114174	08/02/1997	4.80	6.30	3.00	,00	2.30	3.30	
619	Phạm Đình	17113220	03/01/1999	6.70	8.00	6.00	7,00	6.50	6.80	x
620	Nguyễn Long	17125306	15/08/1999	7.20	7.60	6.90	5,60	4.10	6.30	
621	Trần Trọng	17118119	24/10/1999	6.80	8.30	3.50	9,30	5.00	6.60	
622	Trịnh Châu	14138113	06/01/1995	7.30	7.40	5.90	7,10	6.10	6.80	x
623	Nguyễn Huỳnh Kim	16120306	23/10/1998	5.80	8.60	5.00	7,10	5.00	6.30	x
624	Trần Bá	17112242	29/12/1999	7.50	8.10	5.00	7,60	7.80	7.20	x
625	Hoàng Trung	15118128	01/03/1996	6.00	6.90	5.60	7,60	6.10	6.40	x
626	Huỳnh Thiện	16145273	04/04/1997	6.20	9.40	6.10	9,10	8.80	7.90	x
627	Lê Hoàng	15112368	27/06/1993	7.50	6.60	5.00	7,10	5.00	6.20	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
628	Đồng Quốc Tuấn	17124203	07/02/1999	6.70	8.40	5.00	6,40	8.30	7.00	x
629	Nguyễn Văn Tuấn	17113244	13/02/1999	5.20	5.60	5.00	5,00	5.90	5.30	x
630	Nguyễn Anh Tuấn	18122335		6.50	9.40	8.60	7,60	9.00	8.20	x
631	Phạm Anh Tuấn	16137096	20/10/1995	6.30	5.60	5.00	8,10	5.00	6.00	x
632	Trần Quang Tuấn	16154107	16/06/1998	5.70	5.00	4.40	5,00	5.00	5.00	
633	Thái Thanh Tùng	16145275	06/08/1997	7.30	8.10	7.60	6,60	7.80	7.50	x
634	Bùi Văn Tú	17113241	02/12/1998	7.50	6.60	5.40	9,10	5.40	6.80	x
635	Lê Thị Ngân Tú	18126200	21/01/2000	8.00	10.00	8.30	8,00	9.10	8.70	x
636	Ngô Huyền Tú	17128161	29/05/1999	7.70	7.10	8.40	5,00	6.40	6.90	x
637	Nguyễn Anh Tú	15124332	10/07/1997	6.50	6.00	5.80	7,50	5.00	6.20	x
638	Nguyễn Thị Anh Tú	15122297	22/08/1997	6.50	8.90	5.00	6,10	7.40	6.80	x
639	Trần Thị Cẩm Tú	18122333	26/06/2000	6.80	7.90	5.00	8,60	6.60	7.00	x
640	Nguyễn Thị Kim Tuyền	18120274	01/03/2000	7.00	10.00	7.60	6,40	6.60	7.50	x
641	Phạm Vũ Ngọc Tuyền	18115113	25/01/2000	5.70	6.00	6.30	7,50	6.10	6.30	x
642	Phan Thị Thanh Tuyền	18120275		6.20	7.30	5.80	5,00	5.00	5.90	x
643	Trần Thị Tuyền	14131208	26/03/1996	7.00	7.10	6.10	9,60	3.60	6.70	
644	Trần Thị Thanh Tuyền	16122368	23/08/1998	7.20	8.30	7.30	7,00	5.50	7.10	x
645	Bùi Ngọc Tuyền	14121027	09/02/1996	6.30	6.60	6.10	6,10	8.30	6.70	x
646	Bùi Xuân Tuyền	18164025	22/10/2000	6.50	5.60	4.40	1,80	2.90	4.20	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
647	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	18126204	24/02/2000	6.30	7.50	3.50	1,30	7.50	5.20	
648	Huỳnh Thị Cát	Tuyên	17120202	08/06/1999	5.70	6.30	5.30	8,30	5.00	6.10	x
649	Phan Bích	Th ² Ấm	18120203		6.50	8.90	5.00	9,60	7.60	7.50	x
650	Trần Ngọc	Thận	16121045	17/02/1998	5.80	8.10	5.00	7,60	6.60	6.60	x
651	Võ Thị	Thật	17125271	16/09/1999	6.50	0.80	5.40	7,10	7.80	5.50	
652	Dương Thị Ngọc	Thân	15127112	20/11/1997	6.70	5.00	3.40	5,00	5.90	5.20	
653	Võ Thành	Thân	17122140	20/09/1999	5.80	7.50	3.30	7,50	6.10	6.00	
654	Nguyễn Ngọc	Thấm	17124153	14/10/1999	6.00	5.90	6.60	3,10	5.60	5.40	
655	Trần Thị Hồng	Thấm	16131207	28/02/1998	6.20	6.90	5.90	7,10	8.00	6.80	x
656	Hoàng Văn	Thắng	16111191	04/04/1997	6.80	7.60	5.00	6,10	8.00	6.70	x
657	Lê Minh	Thắng	18126148	09/09/2000	5.80	8.10	7.90	7,10	7.50	7.30	x
658	Lê Văn	Thắng	16153081	23/10/1997	6.30	8.60	7.10	9,10	7.60	7.70	x
659	Nguyễn Sơn	Thắng	16138075	28/06/1998	7.00	6.90	6.10	9,10	6.60	7.10	x
660	Phan Ngọc	Thạch	19122228	01/11/2001	6.80	8.80	8.00	8,00	5.00	7.30	x
661	Lê Văn	Thanh	15127114	29/05/1997	7.30	6.10	6.90	7,10	7.30	6.90	x
662	Phạm Quỳnh Yến	Thanh	15126130	22/05/1997	7.00	8.80	2.30	8,80	8.10	7.00	
663	Dương Hữu	Thành	17154092	25/02/1999	7.30	7.10	2.90	7,10	5.50	6.00	
664	Nguyễn Đình	Thành	15114148	05/04/1994	6.50	8.00	5.80	7,00	6.00	6.70	x
665	Nguyễn Tâm	Thành	16115159	10/04/1998	6.00	5.00	1.30	5,60	5.00	4.60	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
666	Phan Nhật Thành	17122143	09/03/1999	6.50	8.60	5.00	9,60	7.00	7.30	x
667	Phan Tấn Thành	17113191	19/12/1999	6.50	8.40	6.40	5,60	5.90	6.60	x
668	Bùi Thị Thảo	18120210	29/07/2000	7.30	8.60	5.10	8,10	6.50	7.10	x
669	Đặng Phúc Thảo	14155107	03/05/1996	6.70	5.90	6.10	7,10	7.10	6.60	x
670	Đỗ Thị Thảo	17122146	06/07/1999	5.50	8.90	6.60	9,60	7.80	7.70	x
671	Nguyễn Thị Thảo	17139129	01/03/1997	6.70	9.10	5.00	5,60	6.10	6.50	x
672	Nguyễn Thanh Thảo	18124138	23/03/2000	5.50	9.10	9.10	7,60	8.10	7.90	x
673	Nguyễn Thị Minh Thảo	17424039	04/09/1993	4.70	5.50	0.00	3,00	6.30	3.90	
674	Nguyễn Thị Phương Thảo	18424019	10/03/1995	5.80	5.60	7.10	3,60	5.60	5.50	
675	Phan Thanh Thảo	18126154	14/07/2000	6.70	6.40	3.90	7,60	6.90	6.30	
676	Trần Thị Phương Thảo	16149123	01/02/1998	5.80	5.50	5.00	6,00	7.90	6.00	x
677	Cao Lê Minh Thi	18163032	18/08/2000	7.50	9.40	9.10	7,60	3.60	7.40	
678	Lâm Mỹ Thi	18116080		6.80	8.30	7.30	7,00	8.50	7.60	x
679	Võ Chí Thiện	17116145	03/07/1999	5.80	7.60	3.60	5,40	6.30	5.70	
680	Đặng Đình Thiện	17118106	12/01/1999	7.50	8.60	4.00	7,60	8.30	7.20	
681	Hồngnguyễn Anh Thư	18163033	22/06/2000	7.50	9.00	7.00	9,30	8.30	8.20	x
682	Huỳnh Ngọc Thư	18122275	28/08/2000	7.20	6.60	7.40	6,60	7.10	7.00	x
683	ĐặngAnh Thư	18116087		5.50	8.60	5.40	4,10	2.50	5.20	
684	Đoàn Huyền Thư	16126172	18/02/1998	5.30	3.60	5.00	9,10	2.80	5.20	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
685	Nguyễn Anh Thư	17145082	30/07/1999	6.70	6.60	2.80	5,40	8.80	6.10	
686	Nguyễn Vũ Anh Thư	17128133	04/04/1999	6.80	8.30	6.30	5,50	7.80	6.90	x
687	Nguyễn Minh Thư	18123130	05/02/2000	7.80	7.90	6.10	7,10	7.10	7.20	x
688	Nguyễn Ngọc Anh Thư	18139187	11/07/2000	5.80	9.40	2.50	5,60	6.10	5.90	
689	Nguyễn Thị Anh Thư	15126139	10/06/1997	6.50	5.80	5.00	5,50	6.80	5.90	x
690	Trần Thị Anh Thư	18145073	09/08/2000	6.20	6.90	8.40	8,10	7.50	7.40	x
691	Lê Thị Kim Thoa	17113202	31/08/1999	6.50	5.30	5.80	7,00	5.50	6.00	x
692	Lê Thị Kim Thoa	18149088	03/02/2000	4.70	7.00	2.30	7,50	5.00	5.30	
693	Nguyễn Kim Thoa	18120222		6.70	8.10	6.40	7,10	5.00	6.70	x
694	Tô Đỗ Quốc Thông	17126139	02/04/1999	6.30	7.40	3.10	5,00	5.50	5.50	
695	Võ Chí Thông	18145070	28/01/2000	7.00	7.00	4.00	6,50	5.60	6.00	
696	Nguyễn Tấn Thọ	17154096	03/01/1999	6.80	5.40	6.90	6,90	5.00	6.20	x
697	Nguyễn Thanh Trường Thịnh	17125277	27/05/1999	7.20	8.10	8.40	6,10	7.80	7.50	x
698	Nguyễn Hiếu Thịnh	18116082		7.00	8.00	8.00	9,00	3.00	7.00	
699	Nguyễn Quốc Thịnh	14118265	28/10/1996	6.00	7.00	6.50	5,50	6.00	6.20	x
700	Phạm Vinh Thịnh	19126170	31/07/2001	7.50	9.90	7.40	7,60	8.00	8.10	x
701	Trần Đông Thịnh	16128101	16/07/1998	5.50	2.30	3.00	7,30	5.00	4.60	
702	Bùi Minh Thương	17118114	06/11/1999	6.50	5.00	5.60	7,40	7.30	6.40	x
703	Dương Thị Hồng Thương	17112212	13/04/1999	7.80	9.00	7.00	9,30	6.80	8.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
704	Huỳnh Thị Mỹ	Thương	18125352	16/08/2000	7.50	8.30	5.00	7,00	7.80	7.10	x
705	Lê Châu Kim	Thơ	18125334	09/05/2000	5.50	7.30	8.80	6,00	8.60	7.20	x
706	Bùi Thị Mộng	Thu	17111139	19/07/1999	6.80	6.90	5.40	8,60	5.40	6.60	x
707	Cao Thị Mỹ	Thu	16128175	13/12/1998	6.70	7.00	3.80	7,50	5.00	6.00	
708	Danh Thị Kiều	Thu	17127069	19/01/1999	5.80	7.40	5.00	5,00	5.90	5.80	x
709	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	17128131	23/02/1999	6.70	8.80	2.80	6,00	5.00	5.90	
710	Phạm Thị Cẩm	Thu	16126170	20/02/1998	6.00	8.50	2.30	5,00	6.80	5.70	
711	Thị	Thu	18122273	25/05/1999	5.30	2.80	2.90	2,30	6.00	3.90	
712	Trần Thị	Thu	16128103	20/08/1998	6.50	8.00	4.00	6,50	6.50	6.30	
713	Huỳnh Minh	Thuận	18155087	22/02/2000	6.30	8.10	5.40	7,60	6.60	6.80	x
714	Nguyễn Lê Trình	Thuật	17139140	13/07/1997	7.00	9.00	8.30	6,50	8.00	7.80	x
715	Dương Thoại Anh	Thùy	18122286		7.20	8.90	7.40	7,60	8.10	7.80	x
716	Lâm Thanh	Thùy	17149160	30/05/1999	5.80	8.10	5.00	5,40	6.00	6.10	x
717	Lê Thị Đoan	Thùy	15112246	17/10/1997	4.70	6.30	0.00	8,00	7.60	5.30	
718	Trần Thị Kim	Thùy	18123134	17/05/2000	5.80	7.40	6.10	9,10	6.50	7.00	x
719	Kiều Thị Thanh	Thúy	17116156	10/12/1999	6.70	7.90	7.10	6,10	5.30	6.60	x
720	Lê Thị Cẩm	Thúy	17120178	25/12/1999	6.20	8.80	7.30	8,80	9.10	8.00	x
721	Nguyễn Thị	Thúy	17128137	06/11/1999	7.80	5.50	3.30	8,30	7.80	6.50	
722	Phạm Thị Thanh	Thúy	16131232	01/01/1998	5.80	7.90	2.90	1,00	5.00	4.50	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
723	Trần Thị Thanh Thúy	18145076	03/10/1999	6.80	8.30	6.00	8,30	5.50	7.00	x
724	Trương Thị Thu Thúy	18123137	15/10/2000	7.50	8.00	6.80	8,80	6.50	7.50	x
725	Huỳnh Thanh Thủy	18120234		6.50	2.90	5.00	6,40	6.00	5.40	
726	Huỳnh Thị Thanh Thủy	17121023	18/09/1999	6.00	8.10	8.40	6,90	7.80	7.40	x
727	Nguyễn Thị Bích Thủy	18126173	19/09/2000	7.00	9.40	2.80	5,00	3.60	5.60	
728	Trần Ngọc Thủy	17145087	27/08/1999	7.70	7.40	5.40	5,00	5.30	6.20	x
729	Trần Thanh Thủy	16120261	19/07/1998	6.20	7.10	5.00	6,90	6.40	6.30	x
730	Nguyễn Hải Thuyền	16126180	07/11/1997	6.70	8.90	1.80	7,60	2.80	5.60	
731	Huỳnh Thị Anh Thy	18116090		6.30	6.60	7.10	6,40	6.80	6.60	x
732	Lê Phạm Mai Thy	16124162	18/11/1998	6.00	7.30	6.50	5,50	7.80	6.60	x
733	Nguyễn Thị Diễm Thy	18114020		6.50	6.10	6.40	6,60	3.40	5.80	
734	Nguyễn Thị Ngọc Thy	15126207	04/06/1996	7.00	5.00	5.00	7,00	7.80	6.40	x
735	Nguyễn Thị Yến Trầm	17122262	08/07/1999	4.70	7.00	5.50	7,50	5.50	6.00	
736	Lê Thị Ngọc Trâm	17122171	09/12/1999	7.00	8.40	8.10	9,10	6.60	7.80	x
737	Lê Thị Ngọc Trâm	19123158	27/08/2001	4.80	6.60	3.40	,00	0.00	3.00	
738	Liêu Thị Ngọc Trâm	16125511	01/07/1998	7.00	5.60	3.00	7,60	6.50	5.90	
739	Đặng Thị Bích Trâm	14112332	24/10/1996	8.00	8.90	7.10	6,10	5.80	7.20	x
740	Đỗ Lê Ngọc Trâm	17122169	17/02/1999	7.30	8.00	3.50	5,50	8.30	6.50	
741	Nguyễn Thị Anh Trâm	17139151	10/06/1999	5.20	5.50	3.80	7,50	5.00	5.40	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
742	Nguyễn Ngọc Trâm	19123159	05/05/2001	5.30	8.60	8.10	9,60	6.60	7.60	x
743	Lương Thị Nhã Trân	18127062	06/01/2000	7.20	8.30	7.30	8,30	6.00	7.40	x
744	Nguyễn Thị Huyền Trân	17125315	30/11/1999	5.80	9.10	9.60	8,60	8.60	8.30	x
745	Nguyễn Anh Bảo Trân	17122275		4.70	7.90	5.00	5,00	7.10	5.90	
746	Phạm Lưu Huyền Trân	16131256	21/03/1998	7.50	7.10	6.90	9,10	6.80	7.50	x
747	Trần Thị Huyền Trân	15123104	17/12/1997	6.50	6.80	3.50	7,00	5.90	5.90	
748	Trịnh Ngọc Trân	17125316	12/09/1999	6.70	5.80	7.00	5,50	6.50	6.30	x
749	Trương Hồ Bảo Trân	17127082	20/05/1999	6.30	3.80	5.50	7,50	5.00	5.60	
750	Hà Thị Mai Trang	17123110	31/01/1999	7.70	5.10	8.40	7,10	9.30	7.50	x
751	Hồ Thị Thùy Trang	15111157	06/04/1997	6.50	9.10	7.10	5,60	1.30	5.90	
752	Hoàng Thị Yến Trang	18122311	28/07/2000	8.30	9.40	7.40	8,10	8.10	8.30	x
753	Huỳnh Lê Phương Trang	14112321	15/03/1996	6.80	7.10	5.00	6,10	6.80	6.40	x
754	Lê Quỳnh Trang	18126185	10/05/2000	7.80	8.90	8.10	8,10	9.60	8.50	x
755	Lê Thị Thu Trang	17111149	20/12/1999	5.80	4.00	2.30	6,50	7.10	5.10	
756	Đặng Thị Thùy Trang	17120188	17/04/1999	6.50	6.40	6.40	6,40	6.10	6.40	x
757	Đinh Thị Trang	15120189	26/01/1997	7.00	5.50	3.50	7,00	6.00	5.80	
758	Đỗ Thị Quỳnh Trang	17120189	17/06/1999	7.00	8.90	7.40	8,10	6.50	7.60	x
759	Nguyễn Ngọc Trang	17116168	01/07/1999	5.30	7.10	5.60	7,10	7.50	6.50	x
760	Nguyễn Thùy Trang	17116169	28/06/1999	5.80	7.80	0.00	3,50	6.60	4.70	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
761	Nguyễn Thị Thu	Trang	16163128	22/07/1998	6.20	7.40	5.60	5,00	4.10	5.70	
762	Nguyễn Thị Thu	Trang	19126195	26/06/2001	7.80	9.30	8.30	9,30	5.50	8.00	x
763	Nguyễn Thu	Trang	15123110	20/01/1997	7.30	8.10	7.40	5,00	9.50	7.50	x
764	Phan Thị Thu	Trang	17113231	28/07/1999	6.00	7.60	3.90	5,40	7.50	6.10	
765	Trần Nguyễn Thu	Trang	18120261		7.30	8.90	5.40	7,60	8.40	7.50	x
766	Hồ Thị	Trà	18125370	30/05/2000	7.80	8.30	6.80	5,50	4.00	6.50	
767	Mai Thanh	Trà	15127130	18/12/1997	5.20	7.90	5.00	7,60	5.00	6.10	x
768	Nguyễn Thị	Trà	17113221	11/08/1999	7.30	6.90	5.00	5,40	2.30	5.40	
769	Huỳnh Thanh	Trí	15155074	02/07/1996	6.20	8.40	7.60	3,10	1.30	5.30	
770	Mai Ngọc	Trí	13131611	26/07/1993	6.30	7.80	6.00	9,30	6.50	7.20	x
771	Nguyễn Minh	Trí	16145269	28/04/1998	6.70	7.10	5.00	5,00	7.10	6.20	x
772	Võ Hữu	Trí	14112343	20/03/1996	6.50	7.80	9.30	8,80	5.00	7.50	x
773	Hà Minh	Triết	15126166	23/09/1997	6.80	8.60	5.00	6,10	5.50	6.40	x
774	Lê Hoàng	Triều	17118121	05/10/1999	6.50	6.90	5.00	9,10	8.80	7.30	x
775	Cao Thị Lệ	Trinh	17116174	30/04/1999	6.80	8.10	3.90	9,60	5.60	6.80	
776	Hà Thị Tuyết	Trinh	17128158	20/08/1999	6.70	1.50	2.30	5,60	2.30	3.70	
777	Lê Ngọc Phương	Trinh	15112366	09/04/1997	6.70	9.00	7.30	7,00	8.50	7.70	x
778	Đào Thị Thu	Trinh	17122183	29/04/1999	6.00	5.90	3.10	3,60	7.80	5.30	
779	Phạm Thị	Trinh	18120264	08/11/1999	6.20	8.60	5.40	5,00	7.50	6.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
780	Phan Thị Mỹ Trinh	17117081	29/10/1999	6.50	9.30	5.30	7,00	7.30	7.10	x
781	Vũ Nhật Trường	16137091	18/07/1997	6.80	8.30	6.30	6,50	7.00	7.00	x
782	Nguyễn Thành Trung	17125336	06/06/1999	6.80	7.40	7.90	3,60	6.90	6.50	
783	Huỳnh Lâm Trúc	18115109		6.20	7.10	5.90	7,10	6.60	6.60	x
784	Lê Thị Thanh Trúc	17111153	09/06/1999	7.20	7.60	9.90	6,60	8.30	7.90	x
785	Nguyễn Hồng Thanh Trúc	17123121	11/11/1999	4.50	4.10	1.80	1,80	5.60	3.60	
786	Nguyễn Thanh Trúc	18126196	16/03/2000	5.50	7.60	7.40	7,60	5.00	6.60	x
787	Nguyễn Thị Thanh Trúc	18125394	08/02/2000	7.50	8.80	4.00	5,00	7.50	6.60	
788	Huỳnh Bảo Uyên	17111165	26/12/1999	6.50	9.40	8.60	8,10	8.30	8.20	x
789	Lê Gia Uyên	17114061	22/06/1999	6.00	8.80	3.00	6,50	6.30	6.10	
790	Ngô Thảo Uyên	16128129	17/06/1998	7.50	8.00	8.00	9,30	4.00	7.40	
791	Nguyễn Tú Lan Uyên	17128166	11/02/1999	5.80	8.40	8.40	6,90	7.80	7.50	x
792	Nguyễn Trần Thảo Uyên	17120205	28/08/1999	5.00	7.00	5.00	7,50	5.50	6.00	x
793	Nguyễn Thị Kim Uyên	19145103	29/06/2001	6.00	7.60	2.50	7,10	5.00	5.60	
794	Tô Thị Ái Uyên	17126176	22/11/1999	7.00	5.00	5.00	5,60	9.30	6.40	x
795	Dương Thị Ngọc Vân	18120285	07/02/2000	8.30	8.10	6.40	8,60	7.30	7.70	x
796	Nguyễn Thị Ánh Vân	17145100	15/05/1999	7.30	8.60	6.10	7,60	7.40	7.40	x
797	Nguyễn Thị Bạch Vân	17125351	29/09/1999	6.50	9.10	8.90	9,60	6.90	8.20	x
798	Võ Thiệu Hải Vân	17124209	05/04/1994	7.20	7.80	5.00	8,30	5.50	6.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
799	Phạm Tú Văn	18125411	26/05/2000	6.50	8.40	8.10	6,90	8.80	7.70	x
800	Đào Thị Lê Vi	18122351	22/09/2020	8.20	9.10	9.40	6,60	7.50	8.20	x
801	Phạm Thị Ly Vi	17628024	26/09/1990	7.70	9.40	5.60	9,60	5.60	7.60	x
802	Trần Thị Mộng Vi	16125573	24/06/1998	5.70	6.80	5.00	9,30	5.60	6.50	x
803	Vũ Tường Vi	18155107	08/08/2000	7.30	7.40	7.10	6,60	5.00	6.70	x
804	Huỳnh Ngọc Việt	14111216	29/01/1995	6.20	5.00	3.10	3,60	5.00	4.60	
805	Lê Đình Việt	17118137	22/08/1999	5.50	8.30	6.00	5,00	7.50	6.50	x
806	Nguyễn Ngọc Vinh	16145279	02/02/1998	7.00	8.30	3.00	6,00	0.00	4.90	
807	Trần Phước Vinh	14118093	23/06/1996	6.50	8.00	6.50	7,50	5.90	6.90	x
808	Võ Ngọc Vinh	17112255	30/05/1999	6.50	7.10	6.40	9,60	8.30	7.60	x
809	Nguyễn Hữu Vĩnh	15114205	21/11/1997	7.20	6.10	5.90	7,10	5.00	6.30	x
810	Đặng Thị Bích Vươn	18125418	25/08/2000	7.30	9.50	9.50	8,30	7.40	8.40	x
811	Hoàng Tuấn Vũ	14118313	19/10/1995	7.20	6.10	6.90	7,10	6.60	6.80	x
812	Lê Trường Vũ	17125358	24/04/1999	4.30	8.90	5.00	7,60	5.00	6.20	
813	Đặng Bá Vũ	17154122	19/12/1999	5.30	6.80	3.30	6,00	8.00	5.90	
814	Trần Thanh Vũ	16145281	04/07/1998	6.20	6.10	5.40	5,60	5.00	5.70	x
815	Huỳnh Bùi Thanh Vy	17111172	17/01/1999	5.50	5.50	4.00	7,50	3.00	5.10	
816	Lê Huỳnh Ngọc Mỹ Thúy Vy	18125422	27/08/2000	6.50	8.60	7.40	7,90	7.60	7.60	x
817	Lê Nguyễn Tường Vy	18122361		7.20	8.10	8.40	8,10	5.00	7.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
818	Ngô Phương Vy	17111173	19/06/1999	6.50	9.40	6.10	8,10	6.60	7.30	x
819	Nguyễn Thị Tường Vy	17125364	17/10/1999	7.30	7.60	3.90	7,60	8.10	6.90	
820	Nguyễn Thị Thúy Vy	19123187	26/08/2001	5.50	7.90	7.10	8,10	5.00	6.70	x
821	Nguyễn Thị Thúy Vy	19122320	10/11/2001	6.80	7.50	6.30	7,50	6.00	6.80	x
822	Nguyễn Thúy Lan Vy	15112371	01/12/1996	6.80	8.30	8.00	9,30	6.00	7.70	x
823	Trần Huỳnh Khánh Vy	19123189	16/08/2001	5.20	9.10	6.60	9,40	7.10	7.50	x
824	Trần Đình Bảo Vy	15112372	27/10/1997	6.50	6.50	5.00	7,80	7.10	6.60	x
825	Trần Nguyễn Thùy Vy	17124216	30/10/1999	6.70	7.60	6.10	7,10	6.30	6.80	x
826	Võ Thảo Vy	15111189	02/12/1997	6.20	7.60	5.00	5,60	5.60	6.00	x
827	Cao Võ Tuấn VỸ	18122368		7.00	8.60	8.90	7,10	6.10	7.50	x
828	Võ Thị Chung Xoan	16111268	24/01/1998	4.50	5.30	0.80	2,30	5.00	3.60	
829	Nguyễn Thị Thanh Xuân	17122268	13/08/1999	6.20	7.60	5.40	6,10	5.00	6.10	x
830	Nguyễn Thị Thu Xuyến	19122325	15/02/2001	7.80	8.00	5.50	5,50	6.90	6.70	x
831	Hoàng Thị Yến	17628036	06/04/1990	6.70	8.60	8.90	8,10	6.60	7.80	x
832	Lê Bùi Phương Yến	16126211	13/08/1998	7.30	7.00	5.00	8,80	6.80	7.00	x
833	Lương Thị Yến	16126212	02/06/1998	6.50	6.40	6.90	7,60	5.00	6.50	x
834	Lưu Kim Yến	18122375		7.30	6.10	5.40	7,10	5.60	6.30	x
835	Nguyễn Ngọc Yến	16163133	16/07/1998	6.30	6.00	7.00	8,80	6.60	6.90	x
836	Phạm Thị Hoàng Yến	18131074	20/11/2000	7.70	7.10	8.40	8,10	5.00	7.30	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2021

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
837	Phạm Thị Ngọc Yến	16112768	21/11/1997	6.20	7.80	5.80	7,50	7.30	6.90	x
838	Võ Thị Phi Yến	14124440	28/01/1996	7.50	6.40	3.40	2,90	7.30	5.50	
839	Bùi Thị Như Ý	18128221	08/05/2000	6.70	8.60	8.40	7,60	7.80	7.80	x

TRUNG TÂM TIN HỌC